

DANH SÁCH CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ,
CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC
(Dữ liệu cập nhật đến ngày 31/5/2023)

I. THEO TIÊU CHUẨN TRONG NƯỚC
1. Cơ sở giáo dục đại học

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/ công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
1.	Trường Đại học Giao thông Vận tải	1.	Khai thác vận tải	VNU-CEA	01/2017	Đạt 86%	23/3/2017	23/3/2022
		2.	Kinh tế vận tải	VNU-CEA	01/2017	Đạt 88%	23/3/2017	23/3/2022
		3.	Kinh tế xây dựng	VNU-CEA	01/2017	Đạt 86%	23/3/2017	23/3/2022
		4.	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	VNU-CEA	01/2017	Đạt 86%	23/3/2017	23/3/2022
		5.	Kỹ thuật xây dựng (Chương trình tiên tiến chuyên sâu Xây dựng công trình giao thông)	VNU-CEA	01/2017	Đạt 88%	23/3/2017	23/3/2022
2.	Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – ĐH Quốc gia Hà Nội	6.	Tâm lý học	VNU-HCM CEA	3/2017	Đạt 90%	30/9/2017	30/9/2022
		7.	Việt Nam học	VNU-HCM CEA	3/2017	Đạt 82%	30/9/2017	30/9/2022
		8.	Quốc tế học	VNU-HCM CEA	4/2019	Đạt 88%	15/10/2019	15/10/2024
		9.	Lưu trữ học	VNU-HCM CEA	01/2020	Đạt 90%	27/4/2020	27/4/2025
		10.	Báo chí	CEA-THANGLONG	12/2022	Đạt 92%	28/4/2023	28/4/2028
		11.	Quan hệ công chúng	CEA-THANGLONG	12/2022	Đạt 92%	28/4/2023	28/4/2028

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		12.	Khoa học quản lý	CEA-THANGLONG	12/2022	Đạt 90%	28/4/2023	28/4/2028
		13.	Tôn giáo học	CEA-THANGLONG	12/2022	Đạt 88%	28/4/2023	28/4/2028
		14.	Việt Nam học	CEA-THANGLONG	12/2022	Đạt 88%	28/4/2023	28/4/2028
		15.	Quản trị khách sạn	CEA-THANGLONG	12/2022	Đạt 90%	28/4/2023	28/4/2028
		16.	Quản trị văn phòng	CEA-THANGLONG	12/2022	Đạt 88%	28/4/2023	28/4/2028
3	Trường Đại học Kinh tế - ĐH Quốc gia Hà Nội	17.	Tài chính - Ngân hàng (Chương trình đào tạo chất lượng cao)	VNU-HCM CEA	12/2017	Đạt 96%	02/7/2018	02/7/2023
		18.	Kế toán	VNU-HCM CEA	01/2018	Đạt 86%	02/7/2018	02/7/2023
		19.	Kinh tế	VNU-HCM CEA	12/2019	Đạt 92%	27/4/2020	27/4/2025
		20.	Kinh tế phát triển	CEA-UD	10/2020	Đạt 90 %	07/02/2021	07/02/2026
		21.	Kinh tế quốc tế	VU-CEA	4/2022	Đạt 90%	29/7/2022	29/7/2027
		22.	Quản trị kinh doanh	VU-CEA	4/2022	Đạt 90%	29/7/2022	29/7/2027
4	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	23.	Sư phạm Hóa học (Chương trình đào tạo chất lượng cao)	VNU-CEA	5/2018	Đạt 84%	04/4/2019	04/4/2024
		24.	Giáo dục Tiểu học	VNU-CEA	5/2018	Đạt 80%	04/4/2019	04/4/2024
		25.	Sư phạm Tin học	VNU-CEA	6/2021	Đạt 88%	10/9/2021	10/9/2026
		26.	Sư phạm Sinh học	VNU-CEA	6/2021	Đạt 88%	10/9/2021	10/9/2026
		27.	Sư phạm Tiếng Anh	VNU-CEA	6/2021	Đạt 82%	10/9/2021	10/9/2026
		28.	Giáo dục Mầm non	VNU-CEA	6/2021	Đạt 86%	10/9/2021	10/9/2026

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/ công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		29.	Giáo dục Đặc biệt	VNU-CEA	6/2021	Đạt 90%	10/9/2021	10/9/2026
		30.	Công tác xã hội	VNU-CEA	6/2021	Đạt 86%	10/9/2021	10/9/2026
		31.	Việt Nam học	VNU-CEA	12/2022	Đạt 90%	16/3/2023	16/3/2028
		32.	Tâm lý học giáo dục	VNU-CEA	12/2022	Đạt 92%	16/3/2023	16/3/2028
		33.	Sư phạm Vật lý	VNU-CEA	12/2022	Đạt 90%	16/3/2023	16/3/2028
		34.	Sư phạm Toán học	VNU-CEA	12/2022	Đạt 92%	16/3/2023	16/3/2028
		35.	Sư phạm Ngữ văn	VNU-CEA	12/2022	Đạt 90%	16/3/2023	16/3/2028
		36.	Sư phạm Lịch sử	VNU-CEA	12/2022	Đạt 92%	16/3/2023	16/3/2028
		37.	Sư phạm Địa lý	VNU-CEA	12/2022	Đạt 92%	16/3/2023	16/3/2028
		38.	Giáo dục thể chất	VNU-CEA	12/2022	Đạt 88%	16/3/2023	16/3/2028
		39.	Giáo dục công dân	VNU-CEA	12/2022	Đạt 90%	16/3/2023	16/3/2028
5	Trường Đại học Vinh	40.	Kỹ sư kỹ thuật xây dựng	VNU-CEA	12/2018	Đạt 92%	04/4/2019	04/4/2024
		41.	Ngôn ngữ Anh	VNU-CEA	12/2018	Đạt 90%	04/4/2019	04/4/2024
		42.	Quản trị kinh doanh	VNU-CEA	12/2018	Đạt 92%	04/4/2019	04/4/2024
		43.	Sư phạm Hóa học	CEA-UD	10/2020	Đạt 94 %	04/02/2021	04/02/2026
		44.	Giáo dục Tiểu học	CEA-UD	10/2020	Đạt 96 %	04/02/2021	04/02/2026
		45.	Luật Kinh tế	CEA-AVU&C	12/2020	Đạt 88%	21/6/2021	21/6/2026
		46.	Giáo dục Mầm non	CEA-AVU&C	12/2020	Đạt 90%	21/6/2021	21/6/2026

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		47.	Kế toán	CEA-AVU&C	12/2020	Đạt 90%	21/6/2021	21/6/2026
		48.	Sư phạm Ngữ văn	CEA-UD	12/2021	Đạt 98%	22/8/2022	22/8/2027
		49.	Sư phạm Địa lý	CEA-UD	12/2021	Đạt 96%	22/8/2022	22/8/2027
		50.	Công nghệ Thực phẩm	CEA-UD	12/2021	Đạt 94%	22/8/2022	22/8/2027
		51.	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	CEA-UD	12/2021	Đạt 94%	22/8/2022	22/8/2027
		52.	Sư phạm Tiếng Anh	CEA-AVU&C	12/2021	Đạt 88%	26/5/2022	26/5/2027
		53.	Sư phạm Lịch sử	CEA-AVU&C	12/2021	Đạt 88%	26/5/2022	26/5/2027
		54.	Giáo dục thể chất	CEA-AVU&C	12/2021	Đạt 88%	26/5/2022	26/5/2027
		55.	Tài chính - Ngân hàng	CEA-AVU&C	12/2021	Đạt 88%	26/5/2022	26/5/2027
6	Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định	56.	Điều dưỡng	CEA-AVU&C	01/2019	Đạt 96%	01/4/2019	01/4/2024
		57.	Hộ sinh	CEA-AVU&C	6/2022	Đạt 90%	18/10/2022	18/10/2027
7	Trường Đại học Sài Gòn	58.	Giáo dục tiểu học	VNU-HCM CEA	12/2018	Đạt 86%	12/8/2019	12/8/2024
		59.	Sư phạm tiếng Anh	VNU-HCM CEA	03/2019	Đạt 80%	12/8/2019	12/8/2024
		60.	Sư phạm Lịch sử	VNU-HCM CEA	03/2019	Đạt 86%	12/8/2019	12/8/2024
		61.	Quản trị kinh doanh	VNU-HCM CEA	06/2020	Đạt 84%	14/12/2020	14/12/2025
		62.	Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sĩ)	VNU-HCM CEA	06/2020	Đạt 88%	14/12/2020	14/12/2025
		63.	Tài Chính - Ngân hàng	VU-CEA	11/2020	Đạt 82%	26/02/2021	26/02/2026

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		64.	Tài Chính - Ngân hàng (trình độ thạc sĩ)	VU-CEA	11/2020	Đạt 80%	26/02/2021	26/02/2026
		65.	Luật	VU-CEA	11/2020	Đạt 82%	26/02/2021	26/02/2026
		66.	Toán - ứng dụng	VU-CEA	01/2022	Đạt 84%	28/4/2022	28/4/2027
		67.	Công nghệ thông tin	VU-CEA	01/2022	Đạt 82%	28/4/2022	28/4/2027
		68.	Khoa học máy tính (trình độ thạc sĩ)	VU-CEA	01/2022	Đạt 84%	28/4/2022	28/4/2027
8	Trường Đại học Công nghiệp thực phẩm TP. Hồ Chí Minh	69.	Công nghệ sinh học	VNU-HCM CEA	3/2019	Đạt 82%	15/10/2019	15/10/2024
		70.	Đảm bảo chất lượng và An toàn thực phẩm	VNU-HCM CEA	3/2019	Đạt 90%	15/10/2019	15/10/2024
		71.	Công nghệ Kỹ thuật Môi trường	VNU-HCM CEA	3/2019 10/2019	Đạt 80%	27/4/2020	27/4/2025
		72.	Công nghệ thông tin	VNU-HCM CEA	11/2019	Đạt 80%	27/4/2020	27/4/2025
		73.	Công nghệ kỹ thuật Điện - Điện tử	VNU-HCM CEA	11/2019	Đạt 84%	27/4/2020	27/4/2025
		74.	Kế toán	VNU-HCM CEA	11/2019	Đạt 90%	27/4/2020	27/4/2025
		75.	Quản trị kinh doanh	VNU-HCM CEA	11/2019	Đạt 86%	27/4/2020	27/4/2025
		76.	Công nghệ chế biến thủy sản	VNU-HCM CEA	11/2021	Đạt 90%	04/4/2022	04/4/2027
		77.	Tài chính - ngân hàng	VNU-HCM CEA	11/2021	Đạt 96%	04/4/2022	04/4/2027
		78.	Công nghệ chế tạo máy	VNU-HCM CEA	11/2021	Đạt 90%	04/4/2022	04/4/2027
		79.	Kỹ thuật môi trường (trình độ thạc sĩ)	VU-CEA	12/2021	Đạt 88%	24/4/2022	24/4/2027

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/ công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		80.	Công nghệ thực phẩm (trình độ thạc sĩ)	VU-CEA	12/2021	Đạt 88%	24/4/2022	24/4/2027
		81.	Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sĩ)	VU-CEA	12/2021	Đạt 84%	24/4/2022	24/4/2027
		82.	Ngôn ngữ Anh	CEA-SAIGON	7/2022	Đạt 90%	06/10/2022	06/10/2027
		83.	Khoa học dinh dưỡng và ẩm thực	CEA-SAIGON	7/2022	Đạt 94%	06/10/2022	06/10/2027
		84.	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	CEA-SAIGON	7/2022	Đạt 94%	06/10/2022	06/10/2027
		85.	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	CEA-SAIGON	7/2022	Đạt 92%	06/10/2022	06/10/2027
		86.	Công nghệ dệt, may	CEA-SAIGON	7/2022	Đạt 92%	06/10/2022	06/10/2027
		87.	Quản lý tài nguyên và môi trường	CEA-SAIGON	7/2022	Đạt 92%	06/10/2022	06/10/2027
9	Trường Quốc tế- ĐH Quốc gia Hà Nội	88.	Kinh doanh quốc tế	VNU-HCM CEA	5/2019	Đạt 94%	07/10/2019	07/10/2024
10	Trường Đại học Nguyễn Tất Thành	89.	Quản trị khách sạn	VNU-HCM CEA	3/2019	Đạt 96%	07/10/2019	07/10/2024
		90.	Công nghệ kỹ thuật Điện - Điện tử	VNU-HCM CEA	3/2019	Đạt 88%	07/10/2019	07/10/2024
		91.	Dược học	VNU-HCM CEA	12/2019	Đạt 92%	18/5/2020	18/5/2025
		92.	Kiến trúc	VNU-HCM CEA	11/2021	Đạt 88%	14/4/2022	14/4/2027
		93.	Công nghệ thông tin (trình độ thạc sĩ)	VNU-HCM CEA	11/2021	Đạt 94%	14/4/2022	14/4/2027
		94.	Quản trị Nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VU-CEA	12/2021	Đạt 94%	05/5/2022	05/5/2027
		95.	Kỹ thuật Xây dựng	VU-CEA	12/2021	Đạt 88%	05/5/2022	05/5/2027
		96.	Luật Kinh tế	VU-CEA	12/2021	Đạt 92%	05/5/2022	05/5/2027

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/ công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		97.	Ngôn ngữ Trung Quốc	VU-CEA	12/2021	Đạt 90%	05/5/2022	05/5/2027
		98.	Công nghệ kỹ thuật Cơ điện tử	VNU-HCM CEA	9/2022	Đạt 96%	27/01/2023	27/01/2028
		99.	Việt Nam học	VNU-HCM CEA	9/2022	Đạt 98%	27/01/2023	27/01/2028
		100.	Điều dưỡng	VNU-HCM CEA	9/2022	Đạt 92%	27/01/2023	27/01/2028
		101.	Quản trị nhân lực	CEA-THANGLONG	10/2022	Đạt 90%	16/02/2023	16/02/2028
		102.	Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sĩ)	CEA-THANGLONG	10/2022	Đạt 92%	16/02/2023	16/02/2028
		103.	Tài chính ngân hàng (trình độ thạc sĩ)	CEA-THANGLONG	10/2022	Đạt 86%	16/02/2023	16/02/2028
		104.	Du lịch (trình độ thạc sĩ)	CEA-THANGLONG	10/2022	Đạt 90%	16/02/2023	16/02/2028
11	Trường Đại học Mở - Địa chất	105.	Kế toán	VNU-CEA	7/2019	Đạt 86%	14/10/2019	14/10/2024
		106.	Quản trị kinh doanh	VNU-CEA	7/2019	Đạt 90%	14/10/2019	14/10/2024
		107.	Kỹ thuật địa chất	VNU-CEA	7/2019	Đạt 90%	14/10/2019	14/10/2024
		108.	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	VNU-CEA	7/2019	Đạt 86%	14/10/2019	14/10/2024
		109.	Công nghệ thông tin	VU-CEA	9/2020	Đạt 90%	15/12/2020	15/12/2025
		110.	Kỹ thuật Dầu khí	VU-CEA	9/2020	Đạt 92%	15/12/2020	15/12/2025
		111.	Kỹ thuật Mỏ	VU-CEA	9/2020	Đạt 92%	15/12/2020	15/12/2025
		112.	Kỹ thuật Môi trường	VU-CEA	9/2020	Đạt 88%	15/12/2020	15/12/2025
		113.	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	VU-CEA	9/2020	Đạt 92%	15/12/2020	15/12/2025

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		114.	Kỹ thuật Tuyển khoáng	VU-CEA	9/2020	Đạt 92%	15/12/2020	15/12/2025
		115.	Kỹ thuật Xây dựng	VU-CEA	9/2020	Đạt 88%	15/12/2020	15/12/2025
		116.	Kỹ thuật điện	VU-CEA	10/2022	Đạt 88%	17/3/2023	17/3/2028
		117.	Kỹ thuật cơ khí	VU-CEA	10/2022	Đạt 88%	17/3/2023	17/3/2028
		118.	Quản lý đất đai	VU-CEA	10/2022	Đạt 88%	17/3/2023	17/3/2028
12	Trường Đại học Nam Cần Thơ	119.	Quản trị kinh doanh	VNU-CEA	7/2019	Đạt 86%	12/10/2019	12/10/2024
		120.	Dược học	VNU-CEA	7/2019	Đạt 84%	12/10/2019	12/10/2024
		121.	Luật Kinh tế	VNU-CEA	7/2019	Đạt 86%	12/10/2019	12/10/2024
		122.	Kỹ thuật xây dựng	VNU-CEA	7/2019	Đạt 82%	12/10/2019	12/10/2024
		123.	Công nghệ kỹ thuật ô tô	VNU-CEA	12/2021	Đạt 86%	26/3/2022	26/3/2027
		124.	Công nghệ thông tin	VNU-CEA	12/2021	Đạt 88%	26/3/2022	26/3/2027
		125.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	VNU-CEA	12/2021	Đạt 86%	26/3/2022	26/3/2027
		126.	Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sĩ)	VNU-CEA	12/2021	Đạt 88%	26/3/2022	26/3/2027
		127.	Công nghệ thực phẩm	VNU-CEA	10/2022	Đạt 92%	05/01/2023	05/01/2028
		128.	Luật	VNU-CEA	10/2022	Đạt 88%	05/01/2023	05/01/2028
		129.	Kỹ thuật hình ảnh y học	VNU-CEA	10/2022	Đạt 84%	05/01/2023	05/01/2028
		130.	Xét nghiệm y học	VNU-CEA	10/2022	Đạt 84%	05/01/2023	05/01/2028
13	Trường Đại học Y-	131.	Điều dưỡng	VNU-CEA	4/2019	Đạt 86%	12/10/2019	12/10/2024

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
	Được, Đại học Huế	132.	Y tế công cộng	VNU-CEA	4/2019	Đạt 90%	12/10/2019	12/10/2024
		133.	Được học	VNU-CEA	4/2019	Đạt 90%	12/10/2019	12/10/2024
		134.	Sư phạm Hóa học	VNU-CEA	4/2019	Đạt 92%	12/10/2019	12/10/2024
14	Trường Đại học Đồng Tháp	135.	Sư phạm Toán học	VNU-CEA	4/2019	Đạt 92%	12/10/2019	12/10/2024
		136.	Giáo dục tiểu học	VNU-CEA	4/2019	Đạt 92%	12/10/2019	12/10/2024
		137.	Sư phạm Tiếng Anh	VNU-CEA	01/2022	Đạt 88%	30/3/2022	30/3/2027
		138.	Giáo dục Chính trị	VNU-CEA	01/2022	Đạt 88%	30/3/2022	30/3/2027
		139.	Sư phạm Ngữ văn	VNU-CEA	01/2022	Đạt 88%	30/3/2022	30/3/2027
		140.	Quản trị kinh doanh	VNU-CEA	01/2022	Đạt 86%	30/3/2022	30/3/2027
		141.	Giáo dục thể chất	VNU-CEA	01/2022	Đạt 88%	30/3/2022	30/3/2027
		142.	Khoa học môi trường	VNU-CEA	01/2022	Đạt 90%	30/3/2022	30/3/2027
		143.	Ngôn ngữ Anh	VNU-CEA	01/2022	Đạt 88%	30/3/2022	30/3/2027
		144.	Giáo dục Mầm non	VNU-CEA	9/2022	Đạt 88%	16/12/2022	16/12/2027
		145.	Khoa học máy tính	VNU-CEA	9/2022	Đạt 86%	16/12/2022	16/12/2027
		146.	Sư phạm Địa lý	VNU-CEA	9/2022	Đạt 86%	16/12/2022	16/12/2027
		147.	Sư phạm Lịch sử	VNU-CEA	9/2022	Đạt 84%	16/12/2022	16/12/2027
		148.	Sư phạm Vật lý	VNU-CEA	9/2022	Đạt 88%	16/12/2022	16/12/2027
		149.	Việt Nam học	VNU-CEA	9/2022	Đạt 86%	16/12/2022	16/12/2027

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
15	Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên	150.	Sư phạm Ngữ văn	VNU-CEA	4/2019	Đạt 94%	14/10/2019	14/10/2024
		151.	Sư phạm Lịch sử	VNU-CEA	4/2019	Đạt 94%	14/10/2019	14/10/2024
		152.	Giáo dục mầm non	VNU-CEA	4/2019	Đạt 92%	14/10/2019	14/10/2024
		153.	Sư phạm Sinh học	VNU-CEA	4/2019	Đạt 92%	14/10/2019	14/10/2024
		154.	Sư phạm Toán	VNU-CEA	4/2019	Đạt 92%	14/10/2019	14/10/2024
		155.	Sư phạm Hóa học	VNU-CEA	4/2019	Đạt 92%	14/10/2019	14/10/2024
		156.	Sư phạm Vật lý	VNU-CEA	4/2019	Đạt 92%	14/10/2019	14/10/2024
		157.	Giáo dục chính trị	VNU-CEA	10/2022	Đạt 94%	10/01/2023	10/01/2028
		158.	Giáo dục Thể chất	VNU-CEA	10/2022	Đạt 94%	10/01/2023	10/01/2028
		159.	Giáo dục Tiểu học	VNU-CEA	10/2022	Đạt 94%	10/01/2023	10/01/2028
		160.	Sư phạm Địa lý	VNU-CEA	10/2022	Đạt 92%	10/01/2023	10/01/2028
		161.	Sư phạm tiếng Anh	VNU-CEA	10/2022	Đạt 90%	10/01/2023	10/01/2028
		162.	Sư phạm Tâm lý	VNU-CEA	10/2022	Đạt 88%	10/01/2023	10/01/2028
		163.	Sư phạm Tin học	VNU-CEA	10/2022	Đạt 92%	10/01/2023	10/01/2028
		164.	Hóa vô cơ (trình độ thạc sĩ)	VNU-CEA	10/2022	Đạt 90%	10/01/2023	10/01/2028
		165.	Di truyền học (trình độ thạc sĩ)	VNU-CEA	10/2022	Đạt 90%	10/01/2023	10/01/2028
		166.	Văn học Việt Nam (trình độ thạc sĩ)	VNU-CEA	10/2022	Đạt 90%	10/01/2023	10/01/2028
		167.	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Vật lý (trình độ thạc sĩ)	VNU-CEA	10/2022	Đạt 90%	10/01/2023	10/01/2028

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/ công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
16	Trường Đại học Thủy lợi	168.	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	VNU-CEA	5/2019	Đạt 88%	12/10/2019	12/10/2024
		169.	Quản lý xây dựng	VNU-CEA	5/2019	Đạt 86%	12/10/2019	12/10/2024
		170.	Kế toán	VNU-CEA	5/2019	Đạt 88%	12/10/2019	12/10/2024
		171.	Kinh tế	VNU-CEA	12/2019	Đạt 90%	23/3/2020	23/3/2025
		172.	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	VNU-CEA	12/2019	Đạt 90%	23/3/2020	23/3/2025
		173.	Kỹ thuật xây dựng	VNU-CEA	12/2019	Đạt 90%	23/3/2020	23/3/2025
		174.	Quản trị kinh doanh	VNU-CEA	12/2019	Đạt 90%	23/3/2020	23/3/2025
		175.	Kỹ thuật Môi trường	VNU-CEA	5/2021	Đạt 90%	09/9/2021	09/9/2026
		176.	Kỹ thuật Xây dựng công trình giao thông	VNU-CEA	5/2021	Đạt 88%	09/9/2021	09/9/2026
		177.	Kỹ thuật Tài nguyên nước	VNU-CEA	5/2021	Đạt 88%	09/9/2021	09/9/2026
		178.	Kỹ thuật Cơ khí	VNU-CEA	5/2021	Đạt 90%	09/9/2021	09/9/2026
		179.	Công nghệ thông tin	VNU-CEA	5/2021	Đạt 86%	09/9/2021	09/9/2026
17	Trường Đại học Hồng Đức	180.	Sư phạm Tiếng Anh	VNU-CEA	5/2019	Đạt 84%	14/10/2019	14/10/2024
		181.	Giáo dục Tiểu học	VNU-CEA	5/2019	Đạt 84%	14/10/2019	14/10/2024
		182.	Sư phạm Toán	VNU-CEA	3/2021	Đạt 86%	13/9/2021	13/9/2026
		183.	Sư phạm Ngữ văn	VNU-CEA	3/2021	Đạt 86%	13/9/2021	13/9/2026
		184.	Sư phạm Lịch sử	VNU-CEA	3/2021	Đạt 86%	13/9/2021	13/9/2026
		185.	Quản trị kinh doanh	VNU-CEA	3/2021	Đạt 86%	13/9/2021	13/9/2026

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/ công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		186.	Sư phạm Địa lý	VNU-CEA	11/2021	Đạt 86%	30/3/2022	30/3/2027
		187.	Công nghệ thông tin	VNU-CEA	11/2021	Đạt 88%	30/3/2022	30/3/2027
		188.	Luật	VNU-CEA	11/2021	Đạt 84%	30/3/2022	30/3/2027
		189.	Kế toán	VNU-CEA	11/2021	Đạt 88%	30/3/2022	30/3/2027
		190.	Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sĩ)	VNU-CEA	4/2022	Đạt 92%	24/8/2022	24/8/2027
		191.	Giáo dục thể chất	VNU-CEA	4/2022	Đạt 86%	24/8/2022	24/8/2027
		192.	Chăn nuôi	VNU-CEA	4/2022	Đạt 90%	24/8/2022	24/8/2027
		193.	Giáo dục Mầm non	VNU-CEA	4/2022	Đạt 88%	24/8/2022	24/8/2027
18	Trường Đại học Y Dược-Đại học Quốc gia Hà Nội	194.	Dược học	VNU-HCM CEA	7/2019	Đạt 86%	14/12/2019	14/12/2024
		195.	Y Khoa	CEA-AVU&C	5/2020	Đạt 82%	08/10/2020	08/10/2025
19	Trường Đại học Giáo dục-ĐH Quốc gia Hà Nội	196.	Lý luận và Phương pháp dạy học môn Toán (trình độ thạc sĩ)	VNU-HCM CEA	10/2017	Đạt 94%	19/4/2018	19/4/2023
		197.	Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Ngữ văn (trình độ thạc sĩ)	VNU-HCM CEA	8/2019	Đạt 94%	14/12/2019	14/12/2024
		198.	Sư phạm Toán học	VNU-HCM CEA	8/2019	Đạt 94%	14/12/2019	14/12/2024
		199.	Sư phạm Ngữ văn	VNU-HCM CEA	8/2019	Đạt 96%	14/12/2019	14/12/2024
		200.	Sư phạm Hoá học	VU-CEA	4/2021	Đạt 88%	30/8/2021	30/8/2026
		201.	Sư phạm Lịch sử	VU-CEA	4/2021	Đạt 88%	30/8/2021	30/8/2026
		202.	Sư phạm Sinh học	VU-CEA	4/2021	Đạt 88%	30/8/2021	30/8/2026

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		203.	Sư phạm Vật lý	VU-CEA	4/2021	Đạt 88%	30/8/2021	30/8/2026
20	Trường Đại học Tài chính - Marketing	204.	Tài chính – Ngân hàng (trình độ thạc sĩ)	VNU-HCM CEA	7/2019	Đạt 90%	16/12/2019	16/12/2024
		205.	Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sĩ)	VNU-HCM CEA	8/2019	Đạt 90%	16/12/2019	16/12/2024
		206.	Quản trị Marketing (Chương trình đào tạo chất lượng cao)	VNU-HCM CEA	8/2019	Đạt 96%	16/12/2019	16/12/2024
		207.	Quản trị kinh doanh tổng hợp (Chương trình đào tạo chất lượng cao)	VNU-HCM CEA	8/2019	Đạt 96%	16/12/2019	16/12/2024
		208.	Ngân hàng (Chương trình đào tạo chất lượng cao)	VNU-HCM CEA	7/2019	Đạt 98%	16/12/2019	16/12/2024
		209.	Ngôn ngữ Anh	VNU-HCM CEA	11/2021	Đạt 92%	04/4/2022	04/4/2027
		210.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	VNU-HCM CEA	11/2021	Đạt 94%	04/4/2022	04/4/2027
		211.	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VNU-HCM CEA	11/2021	Đạt 88%	04/4/2022	04/4/2027
		212.	Quản trị khách sạn	VNU-HCM CEA	11/2021	Đạt 90%	04/4/2022	04/4/2027
		213.	Tài chính - Ngân hàng	VNU-HCM CEA	12/2021	Đạt 92%	20/5/2022	20/5/2027
		214.	Marketing	VNU-HCM CEA	12/2021	Đạt 94%	20/5/2022	20/5/2027
		215.	Quản trị kinh doanh	VNU-HCM CEA	12/2021	Đạt 96%	20/5/2022	20/5/2027
		216.	Kinh doanh Quốc tế	VNU-HCM CEA	12/2021	Đạt 94%	20/5/2022	20/5/2027
		217.	Bất động sản	VNU-HCM CEA	12/2021	Đạt 88%	20/5/2022	20/5/2027
		218.	Hệ thống thông tin quản lý	VNU-HCM	12/2021	Đạt 86%	20/5/2022	20/5/2027

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/ công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
				CEA				
		219.	Kế toán	VNU-HCM CEA	12/2021	Đạt 96%	20/5/2022	20/5/2027
21	Trường Đại học Công nghệ TP. Hồ Chí Minh	220.	Kế toán trình độ đại học	VNU-HCM CEA	9/2019	Đạt 96%	16/12/2019	16/12/2024
		221.	Công nghệ Thông tin trình độ đại học	VNU-HCM CEA	9/2019	Đạt 96%	16/12/2019	16/12/2024
		222.	Kỹ thuật điện	CEA-AVU&C	11/2020	Đạt 82%	24/4/2020	24/4/2025
		223.	Quản trị kinh doanh	CEA-AVU&C	11/2020	Đạt 82%	24/4/2020	24/4/2025
		224.	Quản trị Dịch vụ du lịch và lữ hành	VU-CEA	10/2020	Đạt 88%	28/5/2021	28/5/2026
		225.	Kỹ thuật cơ khí	VU-CEA	10/2020	Đạt 94%	28/5/2021	28/5/2026
		226.	Luật kinh tế	VU-CEA	10/2020	Đạt 90%	28/5/2021	28/5/2026
		227.	Kỹ thuật xây dựng	VU-CEA	10/2020	Đạt 88%	28/5/2021	28/5/2026
		228.	Thiết kế thời trang	VU-CEA	10/2020	Đạt 90%	28/5/2021	28/5/2026
		229.	Công nghệ kỹ thuật ô tô	VU-CEA	12/2020	Đạt 88%	28/5/2021	28/5/2026
		230.	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	VNU-HCM CEA	3/2021	Đạt 92%	04/4/2022	04/4/2027
		231.	Công nghệ sinh học	VNU-HCM CEA	3/2021	Đạt 92%	04/4/2022	04/4/2027
		232.	Tài chính - Ngân hàng	VNU-HCM CEA	3/2021	Đạt 96%	04/4/2022	04/4/2027
		233.	Tâm lý học	VNU-HCM CEA	11/2021	Đạt 92%	04/4/2022	04/4/2027
		234.	Marketing	VNU-HCM CEA	11/2021	Đạt 94%	04/4/2022	04/4/2027

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		235.	Kiến trúc	VNU-HCM CEA	11/2021	Đạt 94%	04/4/2022	04/4/2027
		236.	Kế toán (trình độ thạc sĩ)	VU-CEA	11/2022	Đạt 86%	27/02/2023	27/02/2028
		237.	Công nghệ Thông tin (trình độ thạc sĩ)	VU-CEA	11/2022	Đạt 86%	27/02/2023	27/02/2028
		238.	Kỹ thuật điện (trình độ thạc sĩ)	VU-CEA	11/2022	Đạt 86%	27/02/2023	27/02/2028
		239.	Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sĩ)	VU-CEA	11/2022	Đạt 86%	27/02/2023	27/02/2028
22	Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp	240.	Kế toán	CEA-AVU&C	10/2019	Đạt 96%	06/3/2020	06/3/2025
		241.	Quản trị kinh doanh	CEA-AVU&C	10/2019	Đạt 96%	06/3/2020	06/3/2025
		242.	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	CEA-AVU&C	10/2019	Đạt 92%	06/3/2020	06/3/2025
		243.	Tài chính - Ngân hàng	CEA-AVU&C	11/2019	Đạt 96%	24/4/2020	24/4/2025
		244.	Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử	CEA-AVU&C	11/2019	Đạt 92%	24/4/2020	24/4/2025
		245.	Công nghệ Thực phẩm	CEA-AVU&C	11/2019	Đạt 96%	24/4/2020	24/4/2025
		246.	Công nghệ Thông tin	CEA-AVU&C	5/2020	Đạt 94%	08/10/2020	08/10/2025
		247.	Công nghệ Dệt, may	CEA-AVU&C	5/2020	Đạt 94%	08/10/2020	08/10/2025
		248.	Công nghệ Kỹ thuật Điện tử Viễn thông	CEA-AVU&C	5/2020	Đạt 94%	08/10/2020	08/10/2025
		249.	Kinh doanh thương mại	CEA-AVU&C	12/2021	Đạt 92%	26/5/2022	26/5/2027
		250.	Công nghệ kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	CEA-AVU&C	12/2021	Đạt 90%	26/5/2022	26/5/2027
23	Trường Đại học Y Dược - Đại học Thái Nguyên	251.	Y học Dự phòng (Trình độ Thạc sỹ)	CEA-AVU&C	7/2019	Đạt 88%	24/4/2020	24/4/2025
		252.	Bác sỹ Răng Hàm Mặt	CEA-AVU&C	7/2019	Đạt 86%	24/4/2020	24/4/2025

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/ công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
24	Trường Đại học Nha Trang	253.	Công nghệ chế biến thủy sản	VNU-HCM CEA	9/2019	Đạt 92%	27/4/2020	27/4/2025
		254.	Kỹ thuật tàu thủy	VNU-HCM CEA	9/2019	Đạt 92%	27/4/2020	27/4/2025
		255.	Công nghệ sinh học	VNU-HCM CEA	01/2022	Đạt 94%	16/5/2022	16/5/2027
		256.	Nuôi trồng thủy sản	VNU-HCM CEA	01/2022	Đạt 94%	16/5/2022	16/5/2027
		257.	Công nghệ thông tin	CEA-THANGLONG	10/2022	Đạt 90%	28/4/2023	28/4/2028
		258.	Kế toán	CEA-THANGLONG	10/2022	Đạt 90%	28/4/2023	28/4/2028
		259.	Quản trị khách sạn	CEA-THANGLONG	10/2022	Đạt 90%	28/4/2023	28/4/2028
		260.	Quản trị kinh doanh	CEA-THANGLONG	10/2022	Đạt 92%	28/4/2023	28/4/2028
25	Trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP. Hồ Chí Minh	261.	Tài chính - Ngân hàng	VNU-HCM CEA	12/2019	Đạt 92%	27/4/2020	27/4/2025
		262.	Ngôn ngữ Anh	VU-CEA	11/2020	Đạt 88%	26/02/2021	26/02/2026
		263.	Quản trị kinh doanh	VU-CEA	11/2020	Đạt 92%	26/02/2021	26/02/2026
		264.	Luật kinh tế	VU-CEA	3/2021	Đạt 90%	26/5/2021	26/5/2026
		265.	Kế toán	VU-CEA	3/2021	Đạt 90%	26/5/2021	26/5/2026
		266.	Marketing	VNU-HCM CEA	11/2021	Đạt 92%	04/4/2022	04/4/2027
		267.	Công nghệ thông tin	VNU-HCM CEA	11/2021	Đạt 94%	04/4/2022	04/4/2027
		268.	Kinh doanh quốc tế	VU-CEA	01/2022	Đạt 92%	24/4/2022	24/4/2027

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		269.	Quan hệ công chúng	VU-CEA	01/2022	Đạt 94%	24/4/2022	24/4/2027
		270.	Quản trị khách sạn	VU-CEA	01/2022	Đạt 90%	24/4/2022	24/4/2027
		271.	Quản trị nhân lực	VU-CEA	01/2022	Đạt 90%	24/4/2022	24/4/2027
		272.	Luật quốc tế	VNU-HCM CEA	9/2022	Đạt 94%	03/01/2023	03/01/2028
		273.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	VNU-HCM CEA	9/2022	Đạt 94%	03/01/2023	03/01/2028
		274.	Thương mại điện tử	VNU-HCM CEA	9/2022	Đạt 94%	03/01/2023	03/01/2028
		275.	Quan hệ Quốc tế	VNU-HCM CEA	12/2022	Đạt 96%	17/4/2023	17/4/2028
		276.	Ngôn ngữ Nhật	VNU-HCM CEA	12/2022	Đạt 94%	17/4/2023	17/4/2028
		277.	Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sĩ)	VNU-HCM CEA	12/2022	Đạt 92%	17/4/2023	17/4/2028
26	Trường Đại học Lâm nghiệp	278.	Quản trị kinh doanh	VNU-CEA	10/2019	Đạt 86%	25/3/2020	25/3/2025
		279.	Quản lý tài nguyên rừng	VNU-CEA	10/2019	Đạt 94%	25/3/2020	25/3/2025
		280.	Quản lý đất đai	VNU-CEA	10/2019	Đạt 86%	25/3/2020	25/3/2025
		281.	Công nghệ sinh học	VU-CEA	3/2021	Đạt 90%	30/8/2021	30/8/2026
		282.	Công nghệ chế biến lâm sản	VU-CEA	3/2021	Đạt 90%	30/8/2021	30/8/2026
		283.	Kỹ thuật xây dựng	VU-CEA	3/2021	Đạt 88%	30/8/2021	30/8/2026
		284.	Lâm sinh	VU-CEA	3/2021	Đạt 88%	30/8/2021	30/8/2026
		285.	Kế toán	CEA- THANGLONG	02/2023	Đạt 90%	28/4/2023	28/4/2028

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		286.	Thiết kế nội thất	CEA-THANGLONG	02/2023	Đạt 90%	28/4/2023	28/4/2028
		287.	Quản lý kinh tế (trình độ thạc sĩ)	CEA-THANGLONG	02/2023	Đạt 88%	28/4/2023	28/4/2028
		288.	Quản lý tài nguyên rừng (trình độ thạc sĩ)	CEA-THANGLONG	02/2023	Đạt 88%	28/4/2023	28/4/2028
27	Trường Đại học Thương mại	289.	Kế toán	VNU-CEA	01/2020	Đạt 90%	25/3/2020	25/3/2025
		290.	Marketing	VNU-CEA	01/2020	Đạt 88%	25/3/2020	25/3/2025
		291.	Tài chính - Ngân hàng	VNU-CEA	01/2020	Đạt 88%	25/3/2020	25/3/2025
		292.	Kế toán (Chương trình đào tạo chất lượng cao)	VNU-CEA	01/2020	Đạt 90%	25/3/2020	25/3/2025
		293.	Tài chính - Ngân hàng (Chương trình đào tạo chất lượng cao)	VNU-CEA	01/2020	Đạt 90%	25/3/2020	25/3/2025
		294.	Kinh tế	VNU-CEA	12/2021	Đạt 88%	30/3/2022	30/3/2027
		295.	Luật kinh tế	VNU-CEA	12/2021	Đạt 88%	30/3/2022	30/3/2027
		296.	Thương mại điện tử	VNU-CEA	12/2021	Đạt 88%	30/3/2022	30/3/2027
		297.	Hệ thống thông tin quản lý	VNU-CEA	12/2021	Đạt 88%	30/3/2022	30/3/2027
		298.	Quản trị nhân lực	VNU-CEA	12/2021	Đạt 88%	30/3/2022	30/3/2027
		299.	Quản trị kinh doanh	VNU-CEA	6/2022	Đạt 96%	25/8/2022	25/8/2027
		300.	Quản trị khách sạn	VNU-CEA	6/2022	Đạt 94%	25/8/2022	25/8/2027
		301.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	VNU-CEA	6/2022	Đạt 94%	25/8/2022	25/8/2027
		302.	Kinh doanh quốc tế	VNU-CEA	6/2022	Đạt 94%	25/8/2022	25/8/2027

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		303.	Kinh tế quốc tế	VNU-CEA	6/2022	Đạt 96%	25/8/2022	25/8/2027
		304.	Ngôn ngữ Anh	VNU-CEA	6/2022	Đạt 92%	25/8/2022	25/8/2027
		305.	Kinh doanh quốc tế	VNU-CEA	01/2020	Đạt 88%	25/3/2020	25/3/2025
28	Trường Đại học Ngoại thương	306.	Kinh tế và phát triển quốc tế	VNU-CEA	01/2020	Đạt 88%	25/3/2020	25/3/2025
		307.	Phân tích và Đầu tư tài chính	VNU-CEA	01/2020	Đạt 86%	25/3/2020	25/3/2025
		308.	Luật Thương mại quốc tế	VNU-CEA	01/2020	Đạt 86%	25/3/2020	25/3/2025
		309.	Ngôn ngữ Anh (Tiếng Anh thương mại)	VNU-CEA	4/2021	Đạt 84%	14/9/2021	14/9/2026
		310.	Ngôn ngữ Pháp (Tiếng Pháp thương mại)	VNU-CEA	4/2021	Đạt 84%	14/9/2021	14/9/2026
		311.	Ngôn ngữ Nhật (Tiếng Nhật thương mại)	VNU-CEA	4/2021	Đạt 82%	14/9/2021	14/9/2026
		312.	Ngôn ngữ Trung (Tiếng Trung thương mại)	VNU-CEA	4/2021	Đạt 84%	14/9/2021	14/9/2026
		313.	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	VNU-CEA	9/2019	Đạt 86%	25/3/2020	25/3/2025
29	Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai	314.	Công nghệ thực phẩm	VNU-CEA	9/2019	Đạt 86%	25/3/2020	25/3/2025
		315.	Công nghệ thông tin	VU-CEA	10/2020	Đạt 88%	26/02/2021	26/02/2026
		316.	Kế toán	VU-CEA	10/2020	Đạt 86%	26/02/2021	26/02/2026
		317.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	VU-CEA	10/2020	Đạt 86%	26/02/2021	26/02/2026
		318.	Công nghệ Chế tạo máy	CEA-AVU&C	12/2020	Đạt 86%	11/6/2021	11/6/2026
		319.	Ngôn ngữ Anh	CEA-AVU&C	12/2020	Đạt 86%	11/6/2021	11/6/2026
		320.	Tài chính - Ngân hàng	CEA-AVU&C	12/2020	Đạt 86%	14/12/2021	14/12/2026

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		321.	Quản lý kinh tế (trình độ thạc sĩ)	VU-CEA	8/2022	Đạt 88%	27/02/2023	27/02/2028
		322.	Quản trị kinh doanh	VU-CEA	8/2022	Đạt 88%	27/02/2023	27/02/2028
		323.	Công nghệ kỹ thuật ô tô	VU-CEA	8/2022	Đạt 88%	27/02/2023	27/02/2028
30	Trường Đại học Thủ Dầu Một	324.	Sư phạm Ngữ văn	VNU-CEA	10/2019	Đạt 90%	30/3/2020	30/3/2025
		325.	Sư phạm Lịch sử	VNU-CEA	10/2019	Đạt 90%	30/3/2020	30/3/2025
		326.	Giáo dục Tiểu học	VNU-CEA	10/2019	Đạt 88%	30/3/2020	30/3/2025
		327.	Giáo dục Mầm non	VNU-CEA	10/2019	Đạt 86%	30/3/2020	30/3/2025
		328.	Giáo dục học	VU-CEA	11/2020	Đạt 90%	26/02/2021	26/02/2026
		329.	Luật	VU-CEA	11/2020	Đạt 86%	26/02/2021	26/02/2026
		330.	Ngôn ngữ Anh	VU-CEA	11/2020	Đạt 90%	26/02/2021	26/02/2026
		331.	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	VU-CEA	11/2020	Đạt 92%	26/02/2021	26/02/2026
		332.	Công tác xã hội	VU-CEA	01/2021	Đạt 90%	28/5/2021	28/5/2026
		333.	Kiến trúc	VU-CEA	01/2021	Đạt 84%	28/5/2021	28/5/2026
		334.	Kỹ thuật xây dựng	VU-CEA	01/2021	Đạt 88%	28/5/2021	28/5/2026
		335.	Quản lý nhà nước	VU-CEA	3/2022	Đạt 86%	01/8/2022	01/8/2027
		336.	Quản lý công nghiệp	VU-CEA	3/2022	Đạt 88%	01/8/2022	01/8/2027
		337.	Ngôn ngữ Trung Quốc	VU-CEA	3/2022	Đạt 84%	01/8/2022	01/8/2027
		338.	Quản lý đất đai	VU-CEA	3/2022	Đạt 88%	01/8/2022	01/8/2027

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		339.	Ngôn ngữ Anh (trình độ thạc sĩ)	VU-CEA	3/2022	Đạt 88%	01/8/2022	01/8/2027
		340.	Văn học Việt Nam (trình độ thạc sĩ)	VU-CEA	3/2022	Đạt 86%	01/8/2022	01/8/2027
		341.	Công tác xã hội (trình độ thạc sĩ)	VU-CEA	3/2022	Đạt 86%	01/8/2022	01/8/2027
		342.	Quản lý giáo dục (trình độ thạc sĩ)	VU-CEA	3/2022	Đạt 84%	01/8/2022	01/8/2027
		343.	Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sĩ)	VU-CEA	3/2022	Đạt 88%	01/8/2022	01/8/2027
31	Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội	344.	Kế toán	VNU-CEA	10/2019	Đạt 80%	27/3/2020	27/3/2025
		345.	Quản lý đất đai	VNU-CEA	10/2019	Đạt 82%	27/3/2020	27/3/2025
		346.	Công nghệ kỹ thuật Môi trường	VNU-CEA	10/2019	Đạt 84%	27/3/2020	27/3/2025
		347.	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	VNU-CEA	01/2021	Đạt 90%	05/4/2021	05/4/2026
		348.	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	VNU-CEA	01/2021	Đạt 86%	05/4/2021	05/4/2026
		349.	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	VNU-CEA	01/2021	Đạt 86%	05/4/2021	05/4/2026
		350.	Công nghệ Thông tin	VNU-CEA	12/2021	Đạt 84%	30/3/2022	30/3/2027
		351.	Thủy văn học	VNU-CEA	12/2021	Đạt 88%	30/3/2022	30/3/2027
		352.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	VNU-CEA	12/2021	Đạt 82%	30/3/2022	30/3/2027
32	Trường Đại học Hà Nội	353.	Công nghệ thông tin	VNU-CEA	9/2019	Đạt 84%	23/3/2020	23/3/2025
		354.	Ngôn ngữ Nhật	VNU-CEA	9/2019	Đạt 90%	23/3/2020	23/3/2025
		355.	Ngôn ngữ Trung Quốc	VNU-CEA	9/2019	Đạt 90%	23/3/2020	23/3/2025
		356.	Ngôn ngữ Anh	VU-CEA	12/2020	Đạt 90%	26/02/2021	26/02/2026

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		357.	Ngôn ngữ Đức	VU-CEA	12/2020	Đạt 88%	26/02/2021	26/02/2026
		358.	Ngôn ngữ Pháp	VU-CEA	12/2020	Đạt 88%	26/02/2021	26/02/2026
		359.	Quản trị kinh doanh	CEA-AVU&C	12/2020	Đạt 84%	17/6/2021	17/6/2026
		360.	Tài chính - Ngân hàng	CEA-AVU&C	12/2020	Đạt 84%	17/6/2021	17/6/2026
		361.	Kế toán	VU-CEA	12/2021	Đạt 86%	04/5/2022	04/5/2027
		362.	Quản trị dịch vụ Du lịch và Lữ hành	VU-CEA	12/2021	Đạt 86%	04/5/2022	04/5/2027
33	Trường Đại học Tây Đô	363.	Kế toán tổng hợp	VNU-CEA	12/2019	Đạt 82%	23/3/2020	23/3/2025
		364.	Quản trị kinh doanh	VNU-CEA	12/2019	Đạt 82%	23/3/2020	23/3/2025
		365.	Tài chính - Ngân hàng	VNU-CEA	12/2019	Đạt 84%	23/3/2020	23/3/2025
		366.	Dược học	VNU-CEA	12/2019	Đạt 84%	23/3/2020	23/3/2025
		367.	Quản trị Dịch vụ Du lịch Lữ hành	VNU-CEA	01/2021	Đạt 86%	05/4/2021	05/4/2026
		368.	Ngôn ngữ Anh	VNU-CEA	01/2021	Đạt 82%	05/4/2021	05/4/2026
		369.	Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sĩ)	VNU-CEA	01/2021	Đạt 86%	05/4/2021	05/4/2026
		370.	Luật kinh tế	VNU-CEA	01/2021	Đạt 88%	05/4/2021	05/4/2026
		371.	Dược lý - Dược lâm sàng (trình độ thạc sĩ)	VNU-CEA	6/2022	Đạt 88%	25/8/2022	25/8/2027
		372.	Điều dưỡng	VNU-CEA	6/2022	Đạt 84%	25/8/2022	25/8/2027
		373.	Công nghệ thông tin	VNU-CEA	6/2022	Đạt 84%	25/8/2022	25/8/2027
		374.	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	VNU-CEA	6/2022	Đạt 82%	25/8/2022	25/8/2027

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
34	Trường Đại học Sư phạm - Đại học Huế	375.	Sư phạm Hóa học	VNU-CEA	11/2019	Đạt 88%	03/4/2020	03/4/2025
		376.	Sư phạm Ngữ văn	VNU-CEA	11/2019	Đạt 88%	03/4/2020	03/4/2025
		377.	Sư phạm Địa lý	VNU-CEA	11/2019	Đạt 88%	03/4/2020	03/4/2025
		378.	Giáo dục Tiểu học	VNU-CEA	12/2021	Đạt 94%	30/3/2022	30/3/2027
		379.	Giáo dục Chính trị	VNU-CEA	12/2021	Đạt 92%	30/3/2022	30/3/2027
		380.	Giáo dục mầm non	VNU-CEA	12/2021	Đạt 94%	30/3/2022	30/3/2027
35	Trường Đại học Hùng Vương (Phú Thọ)	381.	Công nghệ thông tin	VNU-CEA	01/2020	Đạt 80%	27/3/2020	27/3/2025
		382.	Kế toán	VNU-CEA	01/2020	Đạt 82%	27/3/2020	27/3/2025
		383.	Giáo dục Tiểu học	VNU-CEA	01/2020	Đạt 80%	27/3/2020	27/3/2025
		384.	Quản lý kinh tế (trình độ thạc sĩ)	VNU-CEA	10/2021	Đạt 82%	26/3/2022	26/3/2027
		385.	Quản trị dịch vụ Du lịch và Lữ hành	VNU-CEA	10/2021	Đạt 80%	26/3/2022	26/3/2027
		386.	Giáo dục mầm non	VNU-CEA	10/2021	Đạt 86%	26/3/2022	26/3/2027
		387.	Thú Y	VNU-CEA	10/2021	Đạt 84%	26/3/2022	26/3/2027
36	Trường Đại học Quy Nhơn	388.	Sư phạm Toán học	CEA-UD	01/2020	Đạt 86%	02/7/2020	02/7/2025
		389.	Sư phạm Hóa học	CEA-UD	01/2020	Đạt 82%	02/7/2020	02/7/2025
		390.	Kỹ thuật điện	CEA-UD	01/2020	Đạt 84%	02/7/2020	02/7/2025
		391.	Giáo dục Tiểu học	CEA-UD	11/2020	Đạt 90%	24/4/2021	24/4/2026
		392.	Giáo dục Mầm non	CEA-UD	11/2020	Đạt 90%	24/4/2021	24/4/2026

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		393.	Kế toán	CEA-UD	11/2020	Đạt 94%	24/4/2021	24/4/2026
		394.	Tài chính - Ngân hàng	CEA-UD	11/2020	Đạt 92%	24/4/2021	24/4/2026
		395.	Công nghệ thông tin	CEA-UD	11/2020	Đạt 90%	24/4/2021	24/4/2026
		396.	Ngôn ngữ Anh	CEA-UD	11/2020	Đạt 90%	24/4/2021	24/4/2026
		397.	Quản lý Nhà nước	CEA-UD	11/2020	Đạt 94%	24/4/2021	24/4/2026
		398.	Giáo dục Thể chất	CEA-UD	11/2020	Đạt 92%	24/4/2021	24/4/2026
		399.	Công tác xã hội	CEA-UD	11/2020	Đạt 94%	24/4/2021	24/4/2026
		400.	Vật lý chất rắn (trình độ thạc sĩ)	CEA-UD	9/2022	Đạt 90%	06/02/2023	06/02/2028
		401.	Kế toán (trình độ thạc sĩ)	CEA-UD	9/2022	Đạt 88%	06/02/2023	06/02/2028
37	Trường Đại học Quốc tế - ĐH Quốc gia TP. Hồ Chí Minh	402.	Quản lý công (trình độ thạc sĩ)	VNU-CEA	6/2020	Đạt 80%	17/8/2020	17/8/2025
		403.	Công nghệ thực phẩm	VNU-CEA	11/2022	Đạt 94%	09/01/2023	09/01/2028
38	Học viện Chính sách và Phát triển	404.	Kinh tế	CEA-AVU&C	6/2020	Đạt 88%	08/10/2020	08/10/2025
		405.	Kinh tế Quốc tế	CEA-AVU&C	6/2020	Đạt 86%	08/10/2020	08/10/2025
		406.	Quản trị Kinh doanh	CEA-AVU&C	6/2020	Đạt 88%	08/10/2020	08/10/2025
39	Trường Đại học Văn Lang	407.	Kế toán	CEA-AVU&C	7/2020	Đạt 88%	20/11/2020	20/11/2025
		408.	Quản trị Khách sạn	CEA-AVU&C	7/2020	Đạt 86%	20/11/2020	20/11/2025
		409.	Ngôn ngữ Anh	CEA-AVU&C	7/2020	Đạt 90%	20/11/2020	20/11/2025
		410.	Kỹ thuật công trình xây dựng	CEA-AVU&C	3/2021	Đạt 90%	15/6/2021	15/6/2026
		411.	Tài chính - Ngân hàng	CEA-AVU&C	3/2021	Đạt 88%	15/6/2021	15/6/2026

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/ công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		412.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	CEA-AVU&C	3/2021	Đạt 86%	15/6/2021	15/6/2026
		413.	Kinh doanh Thương mại	CEA-AVU&C	01/2022	Đạt 88%	23/5/2022	23/5/2027
		414.	Kiến trúc	CEA-AVU&C	01/2022	Đạt 88%	23/5/2022	23/5/2027
		415.	Công nghệ Sinh học	CEA-AVU&C	01/2022	Đạt 90%	23/5/2022	23/5/2027
		416.	Quản trị kinh doanh trình độ đại học	CEA-AVU&C	01/2022	Đạt 88%	23/5/2022	23/5/2027
40	Trường Đại học Hòa Bình	417.	Công nghệ Thông tin	VU-CEA	8/2020	Đạt 82%	15/12/2020	15/12/2025
		418.	Tài chính - Ngân hàng	VU-CEA	8/2020	Đạt 82%	15/12/2020	15/12/2025
		419.	Thiết kế đồ họa	VU-CEA	8/2020	Đạt 84%	15/12/2020	15/12/2025
		420.	Quan hệ công chúng	VU-CEA	11/2022	Đạt 82%	27/02/2023	27/02/2028
		421.	Kế toán	VU-CEA	11/2022	Đạt 82%	27/02/2023	27/02/2028
		422.	Quản trị Kinh doanh	VU-CEA	11/2022	Đạt 82%	27/02/2023	27/02/2028
		423.	Quản lý kinh tế (trình độ thạc sĩ)	VU-CEA	11/2022	Đạt 82%	27/02/2023	27/02/2028
41	Trường Đại học Phan Thiết	424.	Công nghệ Thông tin	VU-CEA	11/2020	Đạt 82%	26/02/2021	26/02/2026
		425.	Ngôn ngữ Anh	VU-CEA	11/2020	Đạt 84%	26/02/2021	26/02/2026
		426.	Quản trị kinh doanh	VU-CEA	11/2020	Đạt 84%	26/02/2021	26/02/2026
		427.	Quản trị khách sạn	VU-CEA	11/2020	Đạt 86%	26/02/2021	26/02/2026
		428.	Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sĩ)	VU-CEA	3/2022	Đạt 86%	31/7/2022	31/7/2027
		429.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	VU-CEA	3/2022	Đạt 84%	31/7/2022	31/7/2027

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		430.	Tài chính - Ngân hàng	VU-CEA	3/2022	Đạt 84%	31/7/2022	31/7/2027
		431.	Luật kinh tế	VU-CEA	3/2022	Đạt 80%	31/7/2022	31/7/2027
42	Trường Đại học Xây dựng Miền Tây	432.	Kỹ thuật xây dựng	CEA-UD	11/2020	Đạt 90 %	04/02/2021	04/02/2026
43	Trường Đại học Phạm Văn Đồng	433.	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	CEA-UD	11/2020	Đạt 88 %	04/02/2021	04/02/2026
		434.	Công nghệ thông tin	CEA-UD	11/2020	Đạt 86 %	04/02/2021	04/02/2026
44	Trường Đại học Quốc tế Sài Gòn	435.	Ngôn ngữ Anh	CEA-UD	11/2020	Đạt 90 %	04/02/2021	04/02/2026
		436.	Khoa học máy tính	CEA-UD	11/2020	Đạt 90 %	04/02/2021	04/02/2026
45	Trường Đại học Văn Hiến	437.	Công nghệ thông tin	CEA-UD	12/2020	Đạt 90%	08/3/2021	08/3/2026
		438.	Quản trị khách sạn	CEA-UD	12/2020	Đạt 90%	08/3/2021	08/3/2026
		439.	Đông phương học	CEA-UD	07/2022	Đạt 86%	16/02/2023	16/02/2028
		440.	Tâm lý học	CEA-UD	07/2022	Đạt 90%	16/02/2023	16/02/2028
		441.	Ngôn ngữ Anh	CEA-UD	07/2022	Đạt 88%	16/02/2023	16/02/2028
46	Trường Đại học Kỹ thuật Công nghệ Cần Thơ	442.	Công nghệ thực phẩm	CEA-UD	12/2020	Đạt 92%	24/4/2021	24/4/2026
47	Trường Đại học Phenikaa	443.	Dược học	VU-CEA	01/2021	Đạt 84%	26/5/2021	26/5/2026
		444.	Điều dưỡng	VU-CEA	01/2021	Đạt 84%	26/5/2021	26/5/2026
		445.	Ngôn ngữ Anh	VU-CEA	01/2021	Đạt 82%	26/5/2021	26/5/2026
		446.	Kế toán	VU-CEA	01/2021	Đạt 82%	26/5/2021	26/5/2026

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		447.	Quản trị kinh doanh	VU-CEA	01/2021	Đạt 82%	26/5/2021	26/5/2026
48	Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng	448.	Công nghệ Thông tin	VU-CEA	01/2021	Đạt 82%	26/5/2021	26/5/2026
		449.	Tâm lý học	VU-CEA	01/2021	Đạt 84%	26/5/2021	26/5/2026
		450.	Công nghệ Sinh học	VU-CEA	01/2021	Đạt 86%	26/5/2021	26/5/2026
		451.	Giáo dục Chính trị	VU-CEA	01/2022	Đạt 88%	24/4/2022	24/4/2027
		452.	Giáo dục Tiểu học	VU-CEA	01/2022	Đạt 86%	24/4/2022	24/4/2027
		453.	Sư phạm Lịch sử	VU-CEA	01/2022	Đạt 88%	24/4/2022	24/4/2027
		454.	Công tác xã hội	VNU-CEA	11/2022	Đạt 94%	16/3/2023	16/3/2028
		455.	Giáo dục Mầm non	VNU-CEA	11/2022	Đạt 92%	16/3/2023	16/3/2028
		456.	Sư phạm âm nhạc	VNU-CEA	11/2022	Đạt 88%	16/3/2023	16/3/2028
		457.	Sư phạm Địa lý	VNU-CEA	11/2022	Đạt 94%	16/3/2023	16/3/2028
49	Trường Đại học Hoa Lư	458.	Giáo dục Mầm Non	VU-CEA	3/2021	Đạt 86%	28/5/2021	28/5/2026
		459.	Kế toán	VU-CEA	3/2021	Đạt 84%	28/5/2021	28/5/2026
50	Trường Đại học Cần Thơ	460.	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh (trình độ thạc sĩ)	CEA-AVU&C	11/2020	Đạt 86%	14/6/2021	14/6/2026
		461.	Sư phạm tiếng Anh	CEA-AVU&C	11/2020	Đạt 86%	14/6/2021	14/6/2026
		462.	Sư phạm Hóa học	CEA-AVU&C	02/2022	Đạt 88%	26/5/2022	26/5/2027
		463.	Sư phạm Sinh học	CEA-AVU&C	02/2022	Đạt 88%	26/5/2022	26/5/2027
		464.	Sư phạm Vật lý	CEA-AVU&C	02/2022	Đạt 86%	26/5/2022	26/5/2027

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		465.	Kỹ thuật Cơ khí	CEA-AVU&C	02/2022	Đạt 86%	26/5/2022	26/5/2027
		466.	Sư phạm Ngữ văn	CEA-AVU&C	02/2022	Đạt 86%	26/5/2022	26/5/2027
		467.	Luật	VNU-HCM CEA	8/2022	Đạt 92%	03/01/2023	03/01/2028
		468.	Văn học	VNU-HCM CEA	8/2022	Đạt 96%	03/01/2023	03/01/2028
51	Trường Đại học Y Dược Cần Thơ	469.	Điều dưỡng	CEA-AVU&C	01/2021	Đạt 90%	14/6/2021	14/6/2026
		470.	Dược học	CEA-AVU&C	01/2021	Đạt 92%	14/6/2021	14/6/2026
		471.	Răng hàm mặt	CEA-AVU&C	01/2021	Đạt 90%	14/6/2021	14/6/2026
		472.	Kỹ thuật xét nghiệm y học	CEA-AVU&C	01/2021	Đạt 90%	14/6/2021	14/6/2026
		473.	Y học cổ truyền	CEA-AVU&C	01/2021	Đạt 92%	14/6/2021	14/6/2026
		474.	Y khoa	CEA-AVU&C	01/2021	Đạt 92%	14/6/2021	14/6/2026
52	Trường Đại học Xây dựng Miền Trung	475.	Kỹ thuật xây dựng	CEA-AVU&C	01/2021	Đạt 86%	14/6/2021	14/6/2026
53	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	476.	Tài chính - Ngân hàng	CEA-AVU&C	01/2021	Đạt 86%	24/6/2021	24/6/2026
		477.	Kiểm toán	CEA-AVU&C	01/2021	Đạt 88%	24/6/2021	24/6/2026
		478.	Công nghệ Kỹ thuật Hóa học	CEA-AVU&C	01/2021	Đạt 88%	24/6/2021	24/6/2026
		479.	Công nghệ Thông tin	CEA-AVU&C	4/2021	Đạt 86%	25/12/2021	25/12/2026
		480.	Ngôn ngữ Anh	CEA-AVU&C	4/2021	Đạt 86%	25/12/2021	25/12/2026
		481.	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	VNU-CEA	11/2021	Đạt 88%	30/3/2022	30/3/2027
		482.	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	VNU-CEA	11/2021	Đạt 86%	30/3/2022	30/3/2027

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		483.	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	VNU-CEA	11/2021	Đạt 88%	30/3/2022	30/3/2027
		484.	Công nghệ kỹ thuật ô tô	VNU-CEA	11/2021	Đạt 90%	30/3/2022	30/3/2027
		485.	Ngôn ngữ Trung Quốc	CEA-AVU&C	01/2022	Đạt 88%	23/5/2022	23/5/2027
		486.	Quản trị kinh doanh	CEA-AVU&C	01/2022	Đạt 88%	23/5/2022	23/5/2027
		487.	Hệ thống thông tin	CEA-AVU&C	01/2022	Đạt 88%	23/5/2022	23/5/2027
		488.	Công nghệ kỹ thuật Điện - Điện tử	VU-CEA	01/2022	Đạt 88%	06/8/2022	06/8/2027
		489.	Công nghệ kỹ thuật Máy tính	VU-CEA	01/2022	Đạt 86%	06/8/2022	06/8/2027
		490.	Quản trị nhân lực	VU-CEA	01/2022	Đạt 86%	06/8/2022	06/8/2027
		491.	Công nghệ dệt, may	VU-CEA	01/2022	Đạt 88%	06/8/2022	06/8/2027
54	Học viện Ngoại giao	492.	Quan hệ Quốc tế	CEA-AVU&C	01/2021	Đạt 88%	08/6/2021	08/6/2026
		493.	Kinh tế Quốc tế	CEA-AVU&C	01/2021	Đạt 88%	08/6/2021	08/6/2026
		494.	Luật Quốc tế	CEA-AVU&C	01/2021	Đạt 86%	08/6/2021	08/6/2026
		495.	Truyền thông Quốc tế	CEA-AVU&C	01/2021	Đạt 88%	08/6/2021	08/6/2026
		496.	Ngôn ngữ Anh	CEA-AVU&C	01/2021	Đạt 86%	08/6/2021	08/6/2026
55	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	497.	Kinh doanh quốc tế	VU-CEA	4/2021	Đạt 84%	30/8/2021	30/8/2026
		498.	Kinh tế chuyên ngành Kinh tế học	VU-CEA	4/2021	Đạt 84%	30/8/2021	30/8/2026
		499.	Kinh tế chuyên ngành Quản lý công và chính sách bằng tiếng Anh	VU-CEA	4/2021	Đạt 90%	30/8/2021	30/8/2026
		500.	Quản trị Khách sạn	VU-CEA	12/2021	Đạt 84%	06/5/2022	06/5/2027

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		501.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	VU-CEA	12/2021	Đạt 84%	06/5/2022	06/5/2027
		502.	Marketing	VU-CEA	12/2021	Đạt 90%	06/5/2022	06/5/2027
		503.	Kinh tế phát triển	CEA-THANGLONG	3/2021	Đạt 90%	17/9/2022	17/9/2027
		504.	Kinh tế đầu tư	CEA-THANGLONG	3/2021	Đạt 88%	17/9/2022	17/9/2027
		505.	Quản trị nhân lực	CEA-THANGLONG	3/2021	Đạt 90%	17/9/2022	17/9/2027
		506.	Kinh tế và Quản lý đô thị	CEA-THANGLONG	3/2021	Đạt 88%	17/9/2022	17/9/2027
		507.	Hệ thống thông tin quản lý học	CEA-THANGLONG	3/2021	Đạt 82%	17/9/2022	17/9/2027
56	Trường Đại học Hàng Hải Việt Nam	508.	Công nghệ thông tin	VNU-CEA	6/2021	Đạt 86%	10/9/2021	10/9/2026
		509.	Quản trị kinh doanh	VNU-CEA	6/2021	Đạt 82%	10/9/2021	10/9/2026
		510.	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	VNU-CEA	6/2021	Đạt 86%	10/9/2021	10/9/2026
		511.	Kỹ thuật môi trường	VNU-CEA	6/2021	Đạt 88%	10/9/2021	10/9/2026
		512.	Kỹ thuật cơ khí	VNU-CEA	12/2022	Đạt 92%	16/3/2023	16/3/2028
		513.	Kinh tế vận tải	VNU-CEA	12/2022	Đạt 92%	16/3/2023	16/3/2028
		514.	Kỹ thuật tàu thủy	VNU-CEA	12/2022	Đạt 88%	16/3/2023	16/3/2028
		515.	Kỹ thuật xây dựng công trình biển	VNU-CEA	12/2022	Đạt 88%	16/3/2023	16/3/2028
57	Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên	516.	Công nghệ thông tin	VNU-CEA	3/2021	Đạt 90%	08/9/2021	08/9/2026
		517.	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	VNU-CEA	3/2021	Đạt 90%	08/9/2021	08/9/2026

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		518.	Công nghệ kỹ thuật ô tô	VNU-CEA	3/2021	Đạt 90%	08/9/2021	08/9/2026
		519.	Công nghệ kỹ thuật điện điện tử	VNU-CEA	3/2021	Đạt 90%	08/9/2021	08/9/2026
		520.	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	VNU-CEA	12/2022	Đạt 90%	16/3/2023	16/3/2028
		521.	Công nghệ chế tạo máy	VNU-CEA	12/2022	Đạt 90%	16/3/2023	16/3/2028
		522.	Công nghệ may	VNU-CEA	12/2022	Đạt 90%	16/3/2023	16/3/2028
		523.	Kế toán	VNU-CEA	12/2022	Đạt 90%	16/3/2023	16/3/2028
		524.	Ngôn ngữ Anh	VNU-CEA	12/2022	Đạt 86%	16/3/2023	16/3/2028
		525.	Quản trị kinh doanh	VNU-CEA	12/2022	Đạt 90%	16/3/2023	16/3/2028
58	Trường Đại học Thăng Long	526.	Quản trị kinh doanh	CEA-AVU&C	3/2020	Đạt 90%	14/12/2021	14/12/2026
		527.	Ngôn ngữ Anh	CEA-AVU&C	3/2020	Đạt 88%	14/12/2021	14/12/2026
		528.	Khoa học máy tính	CEA-AVU&C	3/2020	Đạt 90%	14/12/2021	14/12/2026
		529.	Điều dưỡng	CEA-AVU&C	3/2020	Đạt 90%	14/12/2021	14/12/2026
		530.	Điều dưỡng (trình độ thạc sĩ)	CEA-AVU&C	3/2020	Đạt 90%	14/12/2021	14/12/2026
		531.	Kế toán	CEA-AVU&C	9/2022	Đạt 90%	15/02/2023	15/02/2028
		532.	Tài chính - Ngân hàng	CEA-AVU&C	9/2022	Đạt 90%	15/02/2023	15/02/2028
		533.	Quản trị dịch vụ du lịch - lữ hành	CEA-AVU&C	9/2022	Đạt 88%	15/02/2023	15/02/2028
59	Trường Đại học Tân Trào	534.	Giáo dục Mầm non	CEA-AVU&C	7/2020	Đạt 86%	18/12/2021	18/12/2026
		535.	Giáo dục Tiểu học	CEA-AVU&C	7/2020	Đạt 88%	18/12/2021	18/12/2026

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		536.	Kế toán	CEA-AVU&C	7/2020	Đạt 90%	18/12/2021	18/12/2026
60	Trường Đại học Công đoàn	537.	Công tác xã hội	CEA-AVU&C	3/2020	Đạt 86%	14/12/2021	14/12/2026
		538.	Tài chính - Ngân hàng	CEA-AVU&C	3/2020	Đạt 84%	14/12/2021	14/12/2026
		539.	Luật	CEA-AVU&C	3/2020	Đạt 84%	14/12/2021	14/12/2026
		540.	Quản trị kinh doanh	CEA-AVU&C	10/2021	Đạt 84%	12/5/2022	12/5/2027
		541.	Quản trị nhân lực	CEA-AVU&C	10/2021	Đạt 84%	12/5/2022	12/5/2027
		542.	Xã hội học	CEA-AVU&C	10/2021	Đạt 86%	12/5/2022	12/5/2027
		543.	Bảo hộ lao động	CEA-AVU&C	10/2021	Đạt 84%	12/5/2022	12/5/2027
		544.	Kế toán	CEA-AVU&C	10/2021	Đạt 84%	12/5/2022	12/5/2027
		545.	Quan hệ lao động	CEA-AVU&C	10/2021	Đạt 86%	12/5/2022	12/5/2027
61	Trường Đại học Sao Đỏ	546.	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	CEA-AVU&C	01/2021	Đạt 86%	10/01/2022	10/01/2027
		547.	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	CEA-AVU&C	01/2021	Đạt 86%	10/01/2022	10/01/2027
		548.	Công nghệ kỹ thuật ô tô	CEA-AVU&C	01/2021	Đạt 86%	10/01/2022	10/01/2027
		549.	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	CEA-AVU&C	02/2022	Đạt 90%	10/5/2022	10/5/2027
		550.	Công nghệ thông tin	CEA-AVU&C	02/2022	Đạt 90%	10/5/2022	10/5/2027
		551.	Quản trị kinh doanh	CEA-AVU&C	02/2022	Đạt 90%	10/5/2022	10/5/2027
62	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	552.	Quan hệ quốc tế	VU-CEA	10/2021	Đạt 88%	16/01/2022	16/01/2027
		553.	Triết học	VU-CEA	10/2021	Đạt 84%	16/01/2022	16/01/2027

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/ công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		554.	Xã hội học	VU-CEA	10/2021	Đạt 88%	16/01/2022	16/01/2027
		555.	Quan hệ công chúng	VU-CEA	10/2021	Đạt 88%	16/01/2022	16/01/2027
		556.	Kinh tế chính trị	VU-CEA	10/2022	Đạt 88%	27/02/2023	27/02/2028
		557.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	VU-CEA	10/2022	Đạt 88%	27/02/2023	27/02/2028
		558.	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	VU-CEA	10/2022	Đạt 88%	27/02/2023	27/02/2028
		559.	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước	VU-CEA	10/2022	Đạt 88%	27/02/2023	27/02/2028
		560.	Ngôn ngữ Anh	VU-CEA	10/2022	Đạt 88%	27/02/2023	27/02/2028
		561.	Quảng cáo	VU-CEA	10/2022	Đạt 88%	27/02/2023	27/02/2028
		562.	Xuất bản	VU-CEA	10/2022	Đạt 88%	27/02/2023	27/02/2028
63	Trường Đại học Thủ đô Hà Nội	563.	Quản lý Giáo dục	VU-CEA	10/2021	Đạt 80%	20/01/2022	20/01/2027
		564.	Giáo dục Tiểu học	VU-CEA	10/2021	Đạt 82%	20/01/2022	20/01/2027
		565.	Ngôn ngữ Trung Quốc	VU-CEA	10/2021	Đạt 80%	20/01/2022	20/01/2027
64	Trường Đại học Y tế công cộng	566.	Kỹ thuật xét nghiệm y học	VU-CEA	10/2021	Đạt 84%	17/01/2022	17/01/2027
65	Trường Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh	567.	Xã hội học	CEA-UD	4/2021	Đạt 90%	22/01/2022	22/01/2027
		568.	Ngôn ngữ Trung Quốc	CEA-UD	4/2021	Đạt 90%	22/01/2022	22/01/2027
		569.	Luật Kinh tế	CEA-UD	4/2021	Đạt 90%	22/01/2022	22/01/2027
		570.	Hệ thống thông tin quản lý	CEA-UD	4/2021	Đạt 90%	22/01/2022	22/01/2027
66	Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương	571.	Kỹ thuật Xét nghiệm Y học	VNU-CEA	01/2022	Đạt 86%	30/3/2022	30/3/2027

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/ công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
67	Trường Đại học Nông Lâm - Đại học Huế	572.	Khoa học cây trồng	VNU-CEA	4/2021	Đạt 88%	30/3/2022	30/3/2027
		573.	Nuôi trồng thủy sản	VNU-CEA	4/2021	Đạt 86%	30/3/2022	30/3/2027
		574.	Quản lý đất đai	VNU-CEA	4/2021	Đạt 86%	30/3/2022	30/3/2027
		575.	Phát triển nông thôn	VNU-CEA	4/2021	Đạt 86%	30/3/2022	30/3/2027
		576.	Thú y	VNU-CEA	4/2021	Đạt 84%	30/3/2022	30/3/2027
		577.	Công nghiệp thực phẩm	VNU-CEA	4/2021	Đạt 84%	30/3/2022	30/3/2027
68	Trường Đại học Luật - Đại học Huế	578.	Luật	VNU-CEA	4/2021	Đạt 90%	30/3/2022	30/3/2027
		579.	Luật Kinh tế	VNU-CEA	4/2021	Đạt 88%	30/3/2022	30/3/2027
69	Trường Đại học Mở Hà Nội	580.	Công nghệ Sinh học	VNU-CEA	5/2021	Đạt 86%	26/3/2022	26/3/2027
		581.	Luật kinh tế	VNU-CEA	5/2021	Đạt 84%	26/3/2022	26/3/2027
		582.	Quản trị kinh doanh	VNU-CEA	5/2021	Đạt 82%	26/3/2022	26/3/2027
70	Trường Đại học Nội Vụ Hà Nội	583.	Quản lý nhà nước	VNU-CEA	11/2021	Đạt 86%	29/3/2022	29/3/2027
		584.	Quản lý văn hóa	VNU-CEA	11/2021	Đạt 86%	29/3/2022	29/3/2027
		585.	Lưu trữ học	VNU-CEA	11/2021	Đạt 86%	29/3/2022	29/3/2027
71	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2	586.	Sư phạm Toán học	VNU-CEA	11/2021	Đạt 86%	26/3/2022	26/3/2027
		587.	Sư phạm Ngữ văn	VNU-CEA	11/2021	Đạt 86%	26/3/2022	26/3/2027
		588.	Sư phạm Tiếng Anh	VNU-CEA	11/2021	Đạt 84%	26/3/2022	26/3/2027
		589.	Giáo dục Mầm non	VNU-CEA	11/2021	Đạt 86%	26/3/2022	26/3/2027

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/ công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		590.	Giáo dục Tiểu học	VNU-CEA	9/2022	Đạt 86%	19/12/2022	19/12/2027
		591.	Giáo dục công dân	VNU-CEA	9/2022	Đạt 86%	19/12/2022	19/12/2027
		592.	Giáo dục thể chất	VNU-CEA	9/2022	Đạt 84%	19/12/2022	19/12/2027
		593.	Sư phạm Lịch sử	VNU-CEA	9/2022	Đạt 88%	19/12/2022	19/12/2027
		594.	Sư phạm Hóa học	VNU-CEA	10/2022	Đạt 90%	09/01/2023	09/01/2028
		595.	Sư phạm Sinh học	VNU-CEA	10/2022	Đạt 90%	09/01/2023	09/01/2028
		596.	Sư phạm Vật lí	VNU-CEA	10/2022	Đạt 90%	09/01/2023	09/01/2028
72	Học viện Ngân hàng	597.	Ngân hàng	VNU-CEA	11/2021	Đạt 90%	30/3/2022	30/3/2027
		598.	Tài chính	VNU-CEA	11/2021	Đạt 90%	30/3/2022	30/3/2027
		599.	Kế toán	VNU-CEA	11/2021	Đạt 90%	30/3/2022	30/3/2027
		600.	Quản trị doanh nghiệp	VNU-CEA	11/2021	Đạt 90%	30/3/2022	30/3/2027
73	Trường Đại học Công nghiệp TP. Hồ Chí Minh	601.	Kế toán (trình độ thạc sĩ)	VNU-CEA	12/2021	Đạt 94%	30/3/2022	30/3/2027
		602.	Kỹ thuật Điện (trình độ thạc sĩ)	VNU-CEA	12/2021	Đạt 96%	30/3/2022	30/3/2027
		603.	Hóa phân tích (trình độ thạc sĩ)	VNU-CEA	12/2021	Đạt 94%	30/3/2022	30/3/2027
		604.	Kỹ thuật Điện tử (trình độ thạc sĩ)	VNU-CEA	12/2021	Đạt 96%	30/3/2022	30/3/2027
		605.	Công nghệ Thực phẩm (trình độ thạc sĩ)	VNU-CEA	12/2021	Đạt 94%	30/3/2022	30/3/2027
		606.	Kỹ thuật Xây dựng	VNU-CEA	12/2021	Đạt 88%	30/3/2022	30/3/2027
		607.	Quản lý Tài nguyên Môi trường	VNU-CEA	12/2021	Đạt 90%	30/3/2022	30/3/2027

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		608.	Luật kinh tế	VNU-CEA	12/2021	Đạt 88%	30/3/2022	30/3/2027
74	Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh	609.	Y học cổ truyền	VNU-HCM CEA	11/2021	Đạt 100%	04/4/2022	04/4/2027
		610.	Răng Hàm Mặt	VNU-HCM CEA	5/2022	Đạt 98%	10/10/2022	09/10/2027
75	Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn	611.	Quản trị kinh doanh	VNU-HCM CEA	11/2021	Đạt 90%	04/4/2022	04/4/2027
		612.	Kỹ thuật xây dựng	VNU-HCM CEA	12/2022	Đạt 90%	07/4/2023	07/4/2028
76	Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh	613.	Công nghệ thông tin	VU-CEA	01/2022	Đạt 88%	28/4/2022	28/4/2027
		614.	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	VU-CEA	01/2022	Đạt 88%	28/4/2022	28/4/2027
		615.	Công nghệ Kỹ thuật môi trường	VU-CEA	01/2022	Đạt 88%	28/4/2022	28/4/2027
		616.	Quản lý tài nguyên và môi trường	VU-CEA	01/2022	Đạt 88%	28/4/2022	28/4/2027
77	Trường Đại học Giao thông Vận tải TP. Hồ Chí Minh	617.	Công nghệ thông tin	VNU-HCM CEA	12/2021	Đạt 92%	19/5/2022	19/5/2027
		618.	Quản trị logistic & Vận tải đa phương thức	VNU-HCM CEA	12/2021	Đạt 92%	19/5/2022	19/5/2027
		619.	Kinh tế vận tải	VNU-HCM CEA	11/2022	Đạt 94%	31/3/2023	31/3/2028
		620.	Kinh tế xây dựng	VNU-HCM CEA	11/2022	Đạt 94%	31/3/2023	31/3/2028
		621.	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	VNU-HCM CEA	11/2022	Đạt 94%	31/3/2023	31/3/2028
78	Học viện Hàng không Việt Nam	622.	Quản trị kinh doanh	CEA-AVU&C	01/2022	Đạt 88%	26/5/2022	26/5/2027
		623.	Công nghệ kỹ thuật điện tử viễn thông	CEA-AVU&C	01/2022	Đạt 88%	26/5/2022	26/5/2027
		624.	Quản lý hoạt động bay	CEA-AVU&C	01/2022	Đạt 88%	26/5/2022	26/5/2027

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
79	Trường Đại học Y Dược Thái Bình	625.	Y tế Công cộng (trình độ thạc sĩ)	CEA-AVU&C	12/2021	Đạt 80%	20/5/2022	20/5/2027
		626.	Điều dưỡng	CEA-AVU&C	12/2021	Đạt 80%	20/5/2022	20/5/2027
80	Trường Đại học Nông lâm Bắc Giang	627.	Kế toán	CEA-AVU&C	12/2021	Đạt 90%	23/5/2022	23/5/2027
		628.	Thú y	CEA-AVU&C	12/2021	Đạt 90%	23/5/2022	23/5/2027
		629.	Quản lý đất đai	CEA-AVU&C	12/2021	Đạt 90%	23/5/2022	23/5/2027
		630.	Công nghệ thực phẩm	CEA-AVU&C	10/2022	Đạt 92%	06/02/2023	06/02/2028
		631.	Khoa học cây trồng	CEA-AVU&C	10/2022	Đạt 92%	06/02/2023	06/02/2028
81	Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng	632.	Dược học	CEA-THANGLONG	12/2021	Đạt 88%	20/6/2022	20/6/2027
		633.	Điều dưỡng	CEA-THANGLONG	12/2021	Đạt 86%	20/6/2022	20/6/2027
		634.	Kỹ thuật Xét nghiệm Y học	CEA-THANGLONG	12/2021	Đạt 86%	20/6/2022	20/6/2027
		635.	Quản trị kinh doanh	CEA-THANGLONG	12/2021	Đạt 86%	20/6/2022	20/6/2027
		636.	Tài chính - Ngân hàng	CEA-THANGLONG	6/2022	Đạt 90%	21/11/2022	21/11/2027
		637.	Truyền thông đa phương tiện	CEA-THANGLONG	6/2022	Đạt 86%	21/11/2022	21/11/2027
		638.	Ngôn ngữ Anh	CEA-THANGLONG	6/2022	Đạt 86%	21/11/2022	21/11/2027
82	Trường Đại học Kinh tế Công nghiệp Long An	639.	Kế toán	VU-CEA	5/2022	Đạt 82%	28/7/2022	28/7/2027
		640.	Ngôn ngữ Anh	VU-CEA	5/2022	Đạt 82%	28/7/2022	28/7/2027
		641.	Quản trị kinh doanh	VU-CEA	5/2022	Đạt 82%	28/7/2022	28/7/2027

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		642.	Tài chính - Ngân hàng	VU-CEA	5/2022	Đạt 82%	28/7/2022	28/7/2027
83	Trường Đại học Cửu Long	643.	Công nghệ thực phẩm	CEA-SAIGON	4/2022	Đạt 86%	15/7/2022	15/7/2027
		644.	Luật kinh tế	CEA-SAIGON	4/2022	Đạt 88%	15/7/2022	15/7/2027
		645.	Quản trị kinh doanh	CEA-SAIGON	4/2022	Đạt 84%	15/7/2022	15/7/2027
		646.	Kỹ thuật xét nghiệm y học	CEA-SAIGON	10/2022	Đạt 82%	27/12/2022	27/12/2027
		647.	Điều dưỡng	CEA-SAIGON	10/2022	Đạt 82%	27/12/2022	27/12/2027
		648.	Tài chính ngân hàng	CEA-SAIGON	10/2022	Đạt 84%	27/12/2022	27/12/2027
		649.	Công nghệ thông tin	CEA-SAIGON	10/2022	Đạt 84%	27/12/2022	27/12/2027
		650.	Ngôn ngữ Anh	CEA-SAIGON	10/2022	Đạt 84%	27/12/2022	27/12/2027
		651.	Tài chính ngân hàng (trình độ thạc sĩ)	CEA-SAIGON	10/2022	Đạt 86%	27/12/2022	27/12/2027
		652.	Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sĩ)	CEA-SAIGON	10/2022	Đạt 86%	27/12/2022	27/12/2027
84	Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học TP. Hồ Chí Minh	653.	Công nghệ thông tin	VNU-HCM CEA	02/2022	Đạt 92%	07/8/2022	07/8/2027
		654.	Ngôn ngữ Anh	VNU-HCM CEA	02/2022	Đạt 92%	07/8/2022	07/8/2027
		655.	Quản trị kinh doanh	VNU-HCM CEA	02/2022	Đạt 86%	07/8/2022	07/8/2027
85	Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh	656.	Luật	VNU-HCM CEA	4/2022	Đạt 94%	07/8/2022	07/8/2027
86	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế	657.	Ngôn ngữ Anh	CEA-UD	12/2021	Đạt 94%	16/8/2022	16/8/2027
		658.	Sư phạm tiếng Anh	CEA-UD	12/2021	Đạt 96%	16/8/2022	16/8/2027
87	Trường Đại học	659.	Thiết kế đồ họa	CEA-UD	01/2022	Đạt 90%	16/8/2022	16/8/2027

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
	Kiến trúc TP. Hồ Chí Minh	660.	Thiết kế công nghiệp	CEA-UD	01/2022	Đạt 90%	16/8/2022	16/8/2027
		661.	Thiết kế nội thất	CEA-UD	01/2022	Đạt 92%	16/8/2022	16/8/2027
		662.	Kỹ thuật xây dựng	CEA-UD	01/2022	Đạt 92%	16/8/2022	16/8/2027
		663.	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng	CEA-UD	01/2022	Đạt 92%	16/8/2022	16/8/2027
88	Trường Đại học Tây Nguyên	664.	Công nghệ sinh học	CEA-UD	12/2021	Đạt 84%	16/8/2022	16/8/2027
		665.	Giáo dục tiểu học	CEA-UD	12/2021	Đạt 90%	16/8/2022	16/8/2027
		666.	Quản trị kinh doanh	CEA-UD	12/2021	Đạt 84%	16/8/2022	16/8/2027
89	Trường Đại học Lao động - Xã hội	667.	Bảo hiểm	VNU-CEA	6/2022	Đạt 82%	25/8/2022	25/8/2027
		668.	Quản trị nhân lực	VNU-CEA	6/2022	Đạt 86%	25/8/2022	25/8/2027
		669.	Kế toán	VNU-CEA	6/2022	Đạt 84%	25/8/2022	25/8/2027
		670.	Công tác xã hội	VNU-CEA	6/2022	Đạt 86%	25/8/2022	25/8/2027
		671.	Quản trị kinh doanh	VNU-CEA	6/2022	Đạt 84%	25/8/2022	25/8/2027
		672.	Tâm lý học	VNU-CEA	12/2022	Đạt 80%	16/3/2023	16/3/2028
		673.	Kinh tế	VNU-CEA	12/2022	Đạt 82%	16/3/2023	16/3/2028
		674.	Luật Kinh tế	VNU-CEA	12/2022	Đạt 84%	16/3/2023	16/3/2028
90	Trường Đại học Kinh tế - Đại học Huế	675.	Tài chính – Ngân hàng	VNU-CEA	5/2022	Đạt 86%	24/8/2022	24/8/2027
		676.	Kế toán	VNU-CEA	5/2022	Đạt 86%	24/8/2022	24/8/2027
91	Trường Đại học	677.	Điện tử viễn thông	VNU-CEA	5/2022	Đạt 82%	26/8/2022	26/8/2027

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
	Điện lực	678.	Quản lý công nghiệp	VNU-CEA	5/2022	Đạt 86%	26/8/2022	26/8/2027
		679.	Quản trị kinh doanh	VNU-CEA	5/2022	Đạt 82%	26/8/2022	26/8/2027
		680.	Kế toán	VNU-CEA	5/2022	Đạt 80%	26/8/2022	26/8/2027
		681.	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	VNU-CEA	5/2022	Đạt 82%	26/8/2022	26/8/2027
		682.	Tài chính - Ngân hàng	VNU-CEA	5/2022	Đạt 84%	26/8/2022	26/8/2027
92	Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì	683.	Công nghệ kỹ thuật Điều khiển - Tự động hóa	VNU-CEA	5/2022	Đạt 82%	24/8/2022	24/8/2027
		684.	Công nghệ kỹ thuật Cơ khí	VNU-CEA	5/2022	Đạt 84%	24/8/2022	24/8/2027
		685.	Hóa học	VNU-CEA	5/2022	Đạt 84%	24/8/2022	24/8/2027
93	Trường Đại học Hạ Long	686.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	VU-CEA	3/2022	Đạt 86%	03/8/2022	03/8/2027
		687.	Khoa học máy tính	VU-CEA	3/2022	Đạt 86%	03/8/2022	03/8/2027
		688.	Ngôn ngữ Anh	VU-CEA	3/2022	Đạt 82%	03/8/2022	03/8/2027
94	Trường Đại học Đông Á	689.	Quản trị kinh doanh	VU-CEA	02/2022	Đạt 90%	06/8/2022	06/8/2027
		690.	Ngôn ngữ Anh	VU-CEA	02/2022	Đạt 88%	06/8/2022	06/8/2027
		691.	Kế toán	VU-CEA	02/2022	Đạt 88%	06/8/2022	06/8/2027
95	Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương	692.	Quản trị kinh doanh	VU-CEA	7/2022	Đạt 88%	28/10/2022	28/10/2027
		693.	Kế toán	VU-CEA	7/2022	Đạt 86%	28/10/2022	28/10/2027
96	Trường Đại học Kỹ thuật Y - Dược Đà Nẵng	694.	Kỹ thuật Xét nghiệm y học	CEA-AVU&C	4/2022	Đạt 88%	18/10/2022	18/10/2027
		695.	Dược học	CEA-AVU&C	4/2022	Đạt 86%	18/10/2022	18/10/2027

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		696.	Kỹ thuật Hình ảnh y học	CEA-AVU&C	11/2022	Đạt 88%	06/02/2023	06/02/2028
		697.	Kỹ thuật Phục hồi chức năng	CEA-AVU&C	11/2022	Đạt 90%	06/02/2023	06/02/2028
		698.	Y khoa	CEA-AVU&C	11/2022	Đạt 88%	06/02/2023	06/02/2028
97	Trường Đại học Sư phạm nghệ thuật Trung ương	699.	Sư phạm Âm nhạc	CEA-AVU&C	4/2022	Đạt 86%	20/10/2022	20/10/2027
		700.	Sư phạm Mỹ thuật	CEA-AVU&C	4/2022	Đạt 84%	20/10/2022	20/10/2027
		701.	Thiết kế đồ hoạ	CEA-AVU&C	4/2022	Đạt 84%	20/10/2022	20/10/2027
		702.	Lý luận và Phương pháp dạy học Âm nhạc (trình độ thạc sĩ)	CEA-AVU&C	4/2022	Đạt 88%	20/10/2022	20/10/2027
98	Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội	703.	Luật	CEA-AVU&C	7/2022	Đạt 88%	19/10/2022	19/10/2027
99	Trường Đại học YERSIN Đà Lạt	704.	Quản trị kinh doanh	CEA-AVU&C	7/2022	Đạt 88%	11/10/2022	11/10/2027
		705.	Điều dưỡng	CEA-AVU&C	7/2022	Đạt 90%	11/10/2022	11/10/2027
		706.	Công nghệ thông tin	CEA-AVU&C	7/2022	Đạt 88%	11/10/2022	11/10/2027
100	Trường Đại học Y Dược Hải Phòng	707.	Y khoa	VNU-HCM CEA	7/2022	Đạt 94%	31/10/2022	31/10/2027
		708.	Dược sĩ	VNU-HCM CEA	7/2022	Đạt 94%	31/10/2022	31/10/2027
		709.	Y tế công cộng (trình độ thạc sĩ)	VNU-HCM CEA	7/2022	Đạt 96%	31/10/2022	31/10/2027
101	Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - ĐHQG TP. Hồ Chí Minh	710.	Đô thị học	VU-CEA	5/2022	Đạt 92%	04/11/2022	04/11/2027
		711.	Ngôn ngữ Nga	VU-CEA	5/2022	Đạt 92%	04/11/2022	04/11/2027
		712.	Lưu trữ học	CEA-SAIGON	11/2022	Đạt 96%	24/3/2023	24/3/2028

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		713.	Hàn Quốc	CEA-SAIGON	11/2022	Đạt 92%	24/3/2023	24/3/2028
		714.	Nhân học (trình độ thạc sĩ)	CEA-SAIGON	11/2022	Đạt 94%	24/3/2023	24/3/2028
		715.	Văn hoá học (trình độ thạc sĩ)	CEA-SAIGON	11/2022	Đạt 96%	24/3/2023	24/3/2028
102	Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long	716.	Công tác xã hội	CEA-SAIGON	9/2022	Đạt 82%	25/11/2022	25/11/2027
		717.	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	CEA-SAIGON	9/2022	Đạt 84%	25/11/2022	25/11/2027
		718.	Công nghệ sinh học	CEA-SAIGON	12/2022	Đạt 84%	24/3/2023	24/3/2028
		719.	Công nghệ thực phẩm	CEA-SAIGON	12/2022	Đạt 86%	24/3/2023	24/3/2028
		720.	Thú Y	CEA-SAIGON	12/2022	Đạt 86%	24/3/2023	24/3/2028
		721.	Kỹ thuật điện (CTĐT thạc sĩ)	CEA-SAIGON	12/2022	Đạt 84%	24/3/2023	24/3/2028
103	Trường Đại học Y Dược Buôn Ma Thuột	722.	Y khoa	CEA-SAIGON	9/2022	Đạt 92%	25/11/2022	25/11/2027
		723.	Dược học	CEA-SAIGON	9/2022	Đạt 90%	25/11/2022	25/11/2027
104	Trường Đại học Khoa học - Đại học Thái Nguyên	724.	Công tác xã hội	VNU-CEA	8/2022	Đạt 84%	19/12/2022	19/12/2027
		725.	Khoa học quản lý	VNU-CEA	8/2022	Đạt 86%	19/12/2022	19/12/2027
		726.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	VNU-CEA	8/2022	Đạt 86%	19/12/2022	19/12/2027
		727.	Luật	VNU-CEA	8/2022	Đạt 84%	19/12/2022	19/12/2027
105	Trường Đại học Thành Đô	728.	Công nghệ thông tin	VNU-CEA	8/2022	Đạt 80%	15/12/2022	15/12/2027
		729.	Ngôn ngữ Anh	VNU-CEA	8/2022	Đạt 84%	15/12/2022	15/12/2027
		730.	Dược học	VNU-CEA	8/2022	Đạt 80%	15/12/2022	15/12/2027

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
106	Trường Đại học Kiên Giang	731.	Kỹ thuật xây dựng	CEA-SAIGON	10/2022	Đạt 86%	27/12/2022	27/12/2027
		732.	Công nghệ thực phẩm	CEA-SAIGON	10/2022	Đạt 84%	27/12/2022	27/12/2027
		733.	Công nghệ thông tin	CEA-SAIGON	10/2022	Đạt 84%	27/12/2022	27/12/2027
		734.	Kế toán	CEA-SAIGON	10/2022	Đạt 86%	27/12/2022	27/12/2027
		735.	Ngôn ngữ Anh	CEA-SAIGON	10/2022	Đạt 86%	27/12/2022	27/12/2027
107	Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	736.	Kỹ thuật Điện tử viễn thông	CEA-AVU&C	8/2022	Đạt 88%	06/02/2023	06/02/2028
		737.	Công nghệ thông tin	CEA-AVU&C	8/2022	Đạt 88%	06/02/2023	06/02/2028
108	Học viện Tài chính	738.	Kế toán	CEA-AVU&C	8/2022	Đạt 90%	14/02/2023	14/02/2028
109	Trường Đại học Văn hoá, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa	739.	Sư phạm Mỹ thuật	VU-CEA	9/2022	Đạt 82%	27/02/2023	27/02/2028
		740.	Giáo dục Mầm non	VU-CEA	9/2022	Đạt 82%	27/02/2023	27/02/2028
		741.	Sư phạm Âm nhạc	VU-CEA	9/2022	Đạt 82%	27/02/2023	27/02/2028
		742.	Quản lý nhà nước	VU-CEA	9/2022	Đạt 80%	27/02/2023	27/02/2028
110	Trường Đại học Công nghệ Miền Đông	743.	Dược học	VU-CEA	9/2022	Đạt 80%	27/02/2023	27/02/2028
		744.	Luật kinh tế	VU-CEA	9/2022	Đạt 80%	27/02/2023	27/02/2028
111	Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng	745.	Kiến trúc	CEA-UD	10/2022	Đạt 86%	03/02/2023	03/02/2028
		746.	Kỹ thuật xây dựng	CEA-UD	10/2022	Đạt 84%	03/02/2023	03/02/2028
		747.	Quản trị kinh doanh	CEA-UD	10/2022	Đạt 84%	03/02/2023	03/02/2028
112	Trường Đại học	748.	Quản trị kinh doanh	CEA-SAIGON	12/2022	Đạt 90%	24/3/2023	24/3/2028

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
	Bình Dương	749.	Tài chính - Ngân hàng	CEA-SAIGON	12/2022	Đạt 90%	24/3/2023	24/3/2028
		750.	Ngôn ngữ Anh	CEA-SAIGON	12/2022	Đạt 86%	24/3/2023	24/3/2028
113	Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh	751.	Việt Nam học	CEA-SAIGON	01/2023	Đạt 94%	24/3/2023	24/3/2028
		752.	Sư phạm Sinh học	CEA-SAIGON	01/2023	Đạt 94%	24/3/2023	24/3/2028
		753.	Sư phạm Lịch sử	CEA-SAIGON	01/2023	Đạt 92%	24/3/2023	24/3/2028
		754.	Sư phạm Địa lý	CEA-SAIGON	01/2023	Đạt 94%	24/3/2023	24/3/2028
114	Trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu	755.	Logistic và Quản lý chuỗi cung ứng	CEA-SAIGON	01/2023	Đạt 86%	24/3/2023	24/3/2028
		756.	Công nghệ thông tin	CEA-SAIGON	01/2023	Đạt 88%	24/3/2023	24/3/2028
		757.	Kế toán	CEA-SAIGON	01/2023	Đạt 88%	24/3/2023	24/3/2028
		758.	Quản trị kinh doanh	CEA-SAIGON	01/2023	Đạt 88%	24/3/2023	24/3/2028
		759.	Đông Phương học	CEA-SAIGON	01/2023	Đạt 86%	24/3/2023	24/3/2028
		760.	Ngôn ngữ Anh	CEA-SAIGON	01/2023	Đạt 86%	24/3/2023	24/3/2028
115	Trường Đại học Ngoại ngữ – Đại học Đà Nẵng	761.	Ngôn ngữ Hàn quốc	VNU-CEA	12/2022	Đạt 94%	16/3/2023	16/3/2028
		762.	Ngôn ngữ Nhật bản	VNU-CEA	12/2022	Đạt 96%	16/3/2023	16/3/2028
		763.	Ngôn ngữ Trung Quốc	VNU-CEA	12/2022	Đạt 92%	16/3/2023	16/3/2028
		764.	Ngôn ngữ Pháp	VNU-CEA	12/2022	Đạt 94%	16/3/2023	16/3/2028
116	Trường Đại học Đại Nam	765.	Dược học	VNU-CEA	11/2022	Đạt 80%	16/3/2023	16/3/2028
		766.	Quản trị kinh doanh	VNU-CEA	11/2022	Đạt 82%	16/3/2023	16/3/2028

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		767.	Ngôn ngữ Anh	VNU-CEA	11/2022	Đạt 82%	16/3/2023	16/3/2028
		768.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành.	VNU-CEA	11/2022	Đạt 80%	16/3/2023	16/3/2028
117	Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp - Đại học Thái Nguyên	769.	Kỹ thuật cơ khí	VNU-CEA	12/2022	Đạt 86%	16/3/2023	16/3/2028
		770.	Kỹ thuật Điện	VNU-CEA	12/2022	Đạt 86%	16/3/2023	16/3/2028
		771.	Kỹ thuật Điện tử - Viễn thông	VNU-CEA	12/2022	Đạt 86%	16/3/2023	16/3/2028
		772.	Công nghệ kỹ thuật ô tô	VNU-CEA	12/2022	Đạt 84%	16/3/2023	16/3/2028
118	Trường Đại học Tiền Giang	773.	Công nghệ thông tin	VNU-HCM CEA	12/2022	Đạt 88%	28/5/2022	28/5/2027
		774.	Công nghệ thực phẩm	VNU-HCM CEA	12/2022	Đạt 92%	28/5/2022	28/5/2027
		775.	Kế toán	VNU-HCM CEA	12/2022	Đạt 90%	10/4/2023	10/4/2028
		776.	Quản trị Kinh doanh	VNU-HCM CEA	12/2022	Đạt 92%	10/4/2023	10/4/2028
		777.	Công nghệ kỹ thuật Cơ khí	VNU-HCM CEA	12/2022	Đạt 94%	10/4/2023	10/4/2028
		778.	Công nghệ kỹ thuật Xây dựng	VNU-HCM CEA	12/2022	Đạt 94%	10/4/2023	10/4/2028
		779.	Giáo dục Mầm non	VNU-HCM CEA	12/2022	Đạt 95,34%	10/4/2023	10/4/2028
119	Trường Đại học Quốc tế Miền Đông	780.	Kỹ thuật Cơ Điện tử	VNU-HCM CEA	01/2023	Đạt 94%	14/4/2023	14/4/2028
		781.	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hoá	VNU-HCM CEA	01/2023	Đạt 94%	14/4/2023	14/4/2028
		782.	Kỹ thuật phần mềm	VNU-HCM CEA	01/2023	Đạt 94%	14/4/2023	14/4/2028

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		783.	Quản trị kinh doanh	VNU-HCM CEA	01/2023	Đạt 92%	14/4/2023	14/4/2028
		784.	Điều dưỡng	VNU-HCM CEA	01/2023	Đạt 92%	14/4/2023	14/4/2028
		785.	Luật	VNU-HCM CEA	6/2022	Đạt 88%	07/10/2022	06/10/2027
120	Trường Đại học Đà Lạt	786.	Công tác xã hội	VNU-HCM CEA	6/2022	Đạt 90%	07/10/2022	06/10/2027
		787.	Ngôn ngữ Anh	VNU-HCM CEA	6/2022	Đạt 88%	07/10/2022	06/10/2027
		788.	Đông phương học	VNU-HCM CEA	6/2022	Đạt 86%	07/10/2022	06/10/2027
		789.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	VNU-HCM CEA	6/2022	Đạt 88%	07/10/2022	06/10/2027
		790.	Quản trị kinh doanh	CEA-THANGLONG	10/2022	Đạt 80%	16/02/2023	16/02/2028
121	Trường Đại học Gia Định	791.	Tài chính – Ngân hàng	CEA-THANGLONG	10/2022	Đạt 82%	16/02/2023	16/02/2028
		792.	Ngôn ngữ Anh	CEA-THANGLONG	10/2022	Đạt 82%	16/02/2023	16/02/2028
		793.	Hóa học	CEA-THANGLONG	12/2022	Đạt 98%	28/4/2023	28/4/2028
122	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên- Đại học Quốc gia Hà Nội	794.	Sinh học	CEA-THANGLONG	12/2022	Đạt 94%	28/4/2023	28/4/2028
		795.	Khoa học Môi trường	CEA-THANGLONG	12/2022	Đạt 94%	28/4/2023	28/4/2028
		796.	Công nghệ thông tin	CEA-THANGLONG	01/2023	Đạt 84%	28/4/2023	28/4/2028
123	Trường Đại học Khoa học-Đại học Huế	797.	Báo chí	CEA-THANGLONG	01/2023	Đạt 84%	28/4/2023	28/4/2028

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		798.	Kiến trúc	CEA-THANGLONG	01/2023	Đạt 86%	28/4/2023	28/4/2028
124	Trường Đại học Hải Phòng	799.	Công nghệ thông tin	CEA-AVU&C	8/2022	Đạt 84%	14/02/2023	14/02/2028
		800.	Kế toán doanh nghiệp	CEA-AVU&C	8/2022	Đạt 82%	14/02/2023	14/02/2028
		801.	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	CEA-AVU&C	8/2022	Đạt 84%	14/02/2023	14/02/2028
125	Trường Đại học Công nghệ – Đại học Quốc gia Hà Nội	802.	Khoa học máy tính (CTĐT chất lượng cao)	CEA-THANGLONG	02/2023	Đạt 90%	26/5/2023	26/5/2028
		803.	Hệ thống thông tin	CEA-THANGLONG	02/2023	Đạt 92%	26/5/2023	26/5/2028
		804.	Công nghệ kỹ thuật Điện tử Viễn thông (CTĐT chất lượng cao)	CEA-THANGLONG	02/2023	Đạt 92%	26/5/2023	26/5/2028
		805.	Kỹ thuật Máy tính	CEA-THANGLONG	02/2023	Đạt 92%	26/5/2023	26/5/2028

2. Chương trình đào tạo (CTĐT) trình độ cao đẳng sư phạm (CĐSP)

STT	Tên trường cao đẳng	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
1.	Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương	1	Giáo dục Mầm non	VNU-CEA	12/2021	Đạt 86%	26/3/2022	26/3/2027
2	Trường Cao đẳng Cộng đồng Kon Tum	2	Giáo dục Mầm non	VU-CEA	12/2021	Đạt 83,72%	05/5/2022	05/5/2027
3	Trường Cao đẳng Sư phạm Hòa Bình	3	Giáo dục Mầm non	VNU-CEA	3/2022	Đạt 81,4%	25/8/2022	25/8/2027

STT	Tên trường cao đẳng	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/ công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
4	Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương TP. Hồ Chí Minh	4	Giáo dục Mầm non	CEA-SAIGON	9/2022	Đạt 83,7%	25/11/2022	25/11/2027

II. THEO TIÊU CHUẨN NƯỚC NGOÀI

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/ công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
1.	Trường Đại học Công nghệ - ĐH Quốc gia Hà Nội	1.	Công nghệ thông tin (Chương trình đào tạo chất lượng cao)	AUN-QA	2009	Đạt	09/01/2010	08/01/2015
		2.	Điện tử viễn thông	AUN-QA	2013	Đạt	10/5/2013	09/5/2018
		3.	Khoa học máy tính	AUN-QA	2014	Đạt	29/01/2015	28/01/2020
2.	Trường Đại học Kinh tế - ĐH Quốc gia Hà Nội	4.	Kinh tế đối ngoại (nay là Kinh tế quốc tế)	AUN-QA	2010	Đạt	08/01/2011	07/01/2016
		5.	Quản trị kinh doanh	AUN-QA	2014	Đạt	29/01/2015	28/01/2020
3.	Trường Đại học Khoa học tự nhiên- ĐH Quốc gia Hà Nội	6.	Hóa học	AUN-QA	2012	Đạt	05/6/2012	04/6/2017
		7.	Toán học	AUN-QA	2013	Đạt	25/6/2013	24/6/2018
		8.	Sinh học	AUN-QA	2013	Đạt	25/6/2013	24/6/2018

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/ công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		9.	Vật lí	AUN-QA	2015	Đạt	18/10/2015	17/10/2020
		10.	Địa chất học	AUN-QA	2015	Đạt	18/10/2015	17/10/2020
		11.	Khoa học môi trường	AUN-QA	2015	Đạt	18/10/2015	17/10/2020
		12.	Địa lý Tự nhiên	AUN-QA	2017	Đạt	23/12/2017	22/12/2022
		13.	Khí tượng	AUN-QA	2017	Đạt	23/12/2017	22/12/2022
		14.	Công nghệ Kỹ thuật Môi trường	AUN-QA	2018	Đạt	08/12/2018	07/12/2023
		15.	Công nghệ Kỹ thuật Hóa học	AUN-QA	2018	Đạt	08/12/2018	07/12/2023
		16.	Máy tính và Khoa học Thông tin	AUN-QA	2019	Đạt	05/9/2020	04/9/2025
4.	Trường Đại học Ngoại ngữ - ĐH Quốc gia Hà Nội	17.	Sư phạm Tiếng Anh (Chương trình đào tạo chất lượng cao)	AUN-QA	2012	Đạt	05/6/2012	04/6/2016
		18.	Ngôn ngữ Anh (trình độ thạc sĩ)	AUN-QA	2013	Đạt	19/01/2014	18/01/2019
		19.	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bộ môn tiếng Anh (trình độ thạc sĩ)	AUN-QA	9/2016	Đạt	05/11/2016	04/11/2021
		20.	Ngôn ngữ Anh (Chương trình đào tạo chất lượng cao)	AUN-QA	2018	Đạt	20/01/2019	19/01/2024
		21.	Ngôn ngữ Đức	AUN-QA	2019	Đạt	12/01/2020	11/01/2025
5.	Trường Đại học KH XH&NV - ĐH Quốc gia Hà Nội	22.	Ngôn ngữ học	AUN-QA	2013	Đạt	19/02/2014	18/02/2019
		23.	Đông phương học	AUN-QA	2015	Đạt	19/6/2016	18/6/2021
		24.	Triết học	AUN-QA	2016	Đạt	14/3/2017	13/3/2022
		25.	Văn học	AUN-QA	2017	Đạt	23/12/2017	22/12/2022
		26.	Xã hội học	AUN-QA	2018	Đạt	08/12/2018	07/12/2023

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/ công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		27.	Tâm lý học	AUN-QA	2018	Đạt	08/12/2018	07/12/2023
		28.	Lịch sử	AUN-QA	2019	Đạt	09/6/2020	08/6/2025
		29.	Luật học	AUN-QA	2016	Đạt	07/11/2015	06/11/2020
6.	Khoa Luật - ĐH Quốc gia Hà Nội	30.	Pháp luật về quyền con người (trình độ thạc sĩ)	AUN-QA	2017	Đạt	23/12/2017	22/12/2022
		31.	Luật Kinh doanh	AUN-QA	2019	Đạt	02/3/2020	01/3/2025
		32.	Việt Nam học	AUN-QA	2011	Đạt	08/01/2012	07/01/2016
7.	Trường Đại học KH XH&NV - ĐH Quốc gia TP. Hồ Chí Minh	33.	Ngữ văn Anh	AUN-QA	2013	Đạt	26/10/2013	25/10/2017
		34.	Quan hệ Quốc tế	AUN-QA	2014	Đạt	11/12/2015	10/12/2019
		35.	Báo chí	AUN-QA	2016	Đạt	10/5/2016	09/5/2020
		36.	Văn học	AUN-QA	2016	Đạt	14/12/2016	13/12/2021
		37.	Công tác xã hội	AUN-QA	2017	Đạt	05/11/2017	04/11/2022
		38.	Việt Nam học (Trình độ Thạc sỹ)	AUN-QA	2019	Đạt	10/02/2019	09/02/2024
		39.	Giáo dục học	AUN-QA	2019	Đạt	10/02/2019	09/02/2024
		40.	Lý luận và phương pháp giảng dạy tiếng Anh (Trình độ Thạc sỹ)	AUN-QA	2019	Đạt	12/10/2019	11/10/2024
		41.	Cử nhân ngành Lịch sử	AUN-QA	2020	Đạt	04/01/2021	03/01/2026
		42.	Cử nhân ngành Trung Quốc	AUN-QA	2021	Đạt	04/12/2021	03/12/2026
		43.	Cử nhân ngành Nhật Bản học	AUN-QA	2021	Đạt	04/12/2021	03/12/2026
8.	Trường Đại học	44.	Khoa học máy tính	AUN-QA	2009	Đạt	12/01/2010	11/01/2014

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/ công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
9.	Quốc tế - ĐH Quốc gia TP. Hồ Chí Minh				2017	Đạt	05/11/2017	04/11/2022
		45.	Công nghệ sinh học	AUN-QA	2011	Đạt	08/01/2012	07/01/2016
					2017	Đạt	05/01/2017	04/11/2022
		46.	Quản trị kinh doanh	AUN-QA	2012	Đạt	14/01/2013	13/01/2017
					2017	Đạt	05/01/2017	04/01/2022
		47.	Điện tử viễn thông	AUN-QA	2013	Đạt	03/5/2013	02/5/2017
		48.	Kỹ thuật hệ thống công nghiệp	AUN-QA	2015	Đạt	10/5/2016	09/5/2019
		49.	Kỹ thuật Y sinh	AUN-QA	2015	Đạt	10/5/2016	09/5/2019
				ABET	2019	Đạt	30/9/2019	30/9/2025
		50.	Công nghệ Sinh học (Trình độ Thạc sỹ)	AUN-QA	2016	Đạt	16/02/2017	15/02/2022
		51.	Kỹ thuật hệ thống công nghiệp (Trình độ Thạc sỹ)	AUN-QA	2017	Đạt	30/12/2017	29/12/2022
		52.	Công nghệ thực phẩm	AUN-QA	2017	Đạt	30/12/2017	29/12/2022
		53.	Tài chính - ngân hàng	AUN-QA	2018	Đạt	11/11/2018	11/11/2023
		54.	Kỹ thuật Xây dựng	AUN-QA	2018	Đạt	11/11/2018	11/11/2023
		55.	Kỹ thuật Điện tử - Truyền thông	ABET	2019	Đạt	30/9/2019	30/9/2025
		56.	Quản trị kinh doanh (Trình độ Thạc sỹ)	AUN-QA	2019	Đạt	12/10/2019	11/10/2024
		57.	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	AUN-QA	2021	Đạt	10/10/2021	09/10/2026
9.	Trường Đại học	58.	Công nghệ thông tin	AUN-QA	2009	Đạt	12/01/2010	11/01/2014

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/ công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
	Khoa học Tự nhiên - ĐH Quốc gia TP. Hồ Chí Minh	59.	Hóa học	AUN-QA	9/2016	Đạt	24/12/2016	23/12/2020
		60.	Sinh học	AUN-QA	2017	Đạt	30/11/2017	04/10/2022
		61.	Công nghệ Sinh học (Trình độ Thạc sỹ)	AUN-QA	2018	Đạt	12/11/2018	11/11/2023
		62.	Công nghệ Sinh học	AUN-QA	2019	Đạt	12/10/2019	11/10/2024
		63.	Khoa học vật liệu	AUN-QA	2020	Đạt	04/01/2021	03/01/2026
		64.	Khoa học máy tính (chương trình tiên tiến)	AUN-QA	2021	Đạt	10/10/2021	09/10/2026
10.	Trường Đại học Bách khoa - ĐH Quốc gia TP. Hồ Chí Minh	65.	Điện tử - Viễn thông	AUN-QA	2009	Đạt	12/01/2010	11/01/2014
					2016	Đạt	24/12/2016	23/12/2020
		66.	Cơ Điện tử	CTI	2010	Đạt	01/9/2010	31/8/2016
					2016	Đạt	01/9/2016	31/8/2022
		67.	Kỹ thuật Hàng không	CTI	2010	Đạt	01/9/2010	31/8/2016
					2016	Đạt	01/9/2016	31/8/2022
		68.	Vật liệu tiên tiến	CTI	2010	Đạt	01/9/2010	31/8/2016
					2016	Đạt	01/9/2016	31/8/2022
		69.	Polime - Composite	CTI	2010	Đạt	01/9/2010	31/8/2016
					2016	Đạt	01/9/2016	31/8/2022
		70.	Viễn thông	CTI	2010	Đạt	01/9/2010	31/8/2016
					2016	Đạt	01/9/2016	31/8/2022

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/ công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		71.	Hệ thống Năng lượng	CTI	2014	Đạt	01/9/2010	31/8/2016
					2016	Đạt	01/9/2016	31/8/2022
		72.	Xây dựng dân dụng và năng lượng	CTI	2010	Đạt	01/9/2010	31/8/2016
					2016	Đạt	01/9/2016	31/8/2022
		73.	Kỹ thuật cơ khí (Kỹ thuật Chế tạo)	AUN-QA	2011	Đạt	08/01/2012	07/01/2016
		74.	Kỹ thuật cơ khí (chương trình chất lượng cao)	AQAS	2021	Đạt	21/02/2022	30/9/2028
		75.	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	AUN-QA	2017	Đạt	30/12/2017	29/12/2022
		76.	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	AUN-QA	2017	Đạt	30/12/2017	29/12/2022
		77.	Kỹ thuật xây dựng công trình biển	AUN-QA	2017	Đạt	30/12/2017	29/12/2022
		78.	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng	AUN-QA	2017	Đạt	30/12/2017	29/12/2022
		79.	Kỹ thuật công trình xây dựng (chương trình chất lượng cao)	AUN-QA	2017	Đạt	30/12/2017	29/12/2022
		80.	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông (chương trình chất lượng cao)	AUN-QA	2017	Đạt	30/12/2017	29/12/2022
		81.	Kỹ thuật xây dựng (Kỹ thuật xây dựng Dân dụng và Công nghiệp)	AUN-QA	2013	Đạt	26/10/2013	25/10/2017
					2017	Đạt	05/10/2017	04/10/2022
		82.	Kỹ thuật Hóa học	AUN-QA	2013	Đạt	26/10/2013	25/10/2017
		83.	Khoa học máy tính	ABET	2013	Đạt	2014	2019
					2020	Đạt	2020	30/9/2026
		84.	Kỹ thuật máy tính	ABET	2013	Đạt	2014	2019

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/ công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		85.	Khoa học máy tính (chương trình chất lượng cao)	ABET	2020	Đạt	2020	30/9/2026
		86.	Kỹ thuật máy tính (chương trình chất lượng cao)	ABET	2020	Đạt	2020	30/9/2026
		87.	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	AUN-QA	2014	Đạt	10/11/2014	09/11/2018
					2016	Đạt	24/12/2016	23/12/2020
		88.	Quản lý công nghiệp	AUN-QA	2014	Đạt	10/11/2014	09/11/2018
		89.	Kỹ thuật Điện - Điện tử (Chương trình tiên tiến)	AUN-QA	2015	Đạt	23/10/2015	22/10/2019
		90.	Kỹ thuật hệ thống công nghiệp	AUN-QA	2015	Đạt	23/10/2015	22/10/2019
				AQAS	2021	Đạt	21/02/2022	30/9/2028
		91.	Cơ kỹ thuật	AUN-QA	2015	Đạt	23/10/2015	22/10/2020
		92.	Kỹ thuật môi trường (chương trình chất lượng cao)	AUN-QA	2016	Đạt	24/12/2016	23/12/2020
		93.	Điện - Điện tử (bao gồm tất cả các CTĐT của Khoa Điện-Điện tử)	AUN-QA	9/2016	Đạt	24/12/2016	23/12/2021
		94.	Kỹ thuật Môi trường	AUN-QA	9/2016	Đạt	24/12/2016	23/12/2021
		95.	Quản trị kinh doanh (Thạc sĩ chuyên ngành tư vấn quản lý quốc tế - EMBA-MCI)	FIBAA	2009	Đạt	24/9/2010	23/9/2015
					2015	Đạt	27/11/2015	26/11/2022
				AACSB	2021	Đạt	2021	2026
		96.	Quản trị kinh doanh (Thạc sĩ Maastricht School of Management-MSM)	ACBSP	2010	Đạt	14/11/2010	2020
				AMBA	2016	Đạt	2016	2018
				IACBE	2010	Đạt	5/2010	2017

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/ công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		97.	Kỹ thuật xây dựng	AUN-QA	2017	Đạt	05/10/2017	04/10/2022
		98.	Kỹ thuật nhiệt	AUN-QA	2018	Đạt	25/01/2018	24/01/2023
		99.	Kỹ thuật Điện tử Viễn thông (thạc sĩ)	AUN-QA	2019	Đạt	12/10/2019	11/10/2024
		100.	Kỹ thuật viễn thông (thạc sĩ)	AUN-QA	2019	Đạt	12/10/2019	11/10/2024
		101.	Kỹ thuật ô tô	AUN-QA	2021	Đạt	04/12/2021	03/12/2026
		102.	Kỹ thuật ô tô (chương trình chất lượng cao)	AUN-QA	2021	Đạt	04/12/2021	03/12/2026
		103.	Kỹ thuật dầu khí	AUN-QA	2021	Đạt	04/12/2021	03/12/2026
		104.	Kỹ thuật dầu khí (chương trình chất lượng cao)	AUN-QA	2021	Đạt	04/12/2021	03/12/2026
		105.	Kỹ thuật cơ điện tử	AQAS	2021	Đạt	21/02/2022	30/9/2028
		106.	Kỹ thuật cơ điện tử (chương trình chất lượng cao)	AQAS	2021	Đạt	21/02/2022	30/9/2028
11.	Trường Đại học Kinh tế Luật- ĐH Quốc gia TP. Hồ Chí Minh	107.	Tài chính - ngân hàng	AUN-QA	2014	Đạt	11/12/2015	10/12/2019
		108.	Kinh tế đối ngoại	AUN-QA	2014	Đạt	11/12/2015	10/12/2019
		109.	Kinh tế học	AUN-QA	2016	Đạt	10/5/2016	09/5/2020
		110.	Kế toán	AUN-QA	2016	Đạt	07/4/2017	06/4/2021
		111.	Quản trị kinh doanh	AUN-QA	2018	Đạt	25/02/2018	24/02/2023
		112.	Luật dân sự	AUN-QA	2018	Đạt	25/02/2018	24/02/2023
		113.	Kinh tế và Quản lý công	AUN-QA	2019	Đạt	10/02/2019	09/02/2024
		114.	Hệ thống thông tin quản lý	AUN-QA	2020	Đạt	04/01/2021	03/01/2026

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/ công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		115.	Kiểm toán	AUN-QA	2021	Đạt	10/10/2021	09/10/2026
12.	Trường Đại học Công nghệ Thông tin - ĐH Quốc gia TP. Hồ Chí Minh	116.	Hệ thống thông tin	AUN-QA	2016	Đạt	16/02/2017	15/02/2021
		117.	Truyền thông và mạng máy tính	AUN-QA	2018	Đạt	25/02/2018	24/02/2023
		118.	Khoa học Máy tính	AUN-QA	2019	Đạt	10/02/2019	09/02/2024
		119.	Kỹ thuật phần mềm	AUN-QA	2020	Đạt	04/01/2021	03/01/2026
		120.	Kỹ thuật máy tính	AUN-QA	2021	Đạt	10/10/2021	09/10/2026
		121.	Tài chính - Ngân hàng	AUN-QA	2013	Đạt	12/7/2013	11/7/2018
13.	Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh	122.	Quản trị kinh doanh	AUN-QA	2016	Đạt	16/7/2016	15/7/2022
		123.	Kế toán	AUN-QA	2016	Đạt	16/7/2016	15/7/2021
		124.	Kinh doanh quốc tế (chương trình tiếng Anh)	FIBAA	2017	Đạt	15/9/2017	14/9/2022
		125.	Kinh doanh (chương trình tiếng Anh)	FIBAA	2017	Đạt	15/9/2017	14/9/2022
		126.	Kinh doanh (chương trình tiếng Anh - Thạc sĩ)	FIBAA	2017	Đạt	15/9/2017	14/9/2022
		127.	Kinh tế phát triển (Việt Nam - Hà Lan chương trình tiếng Anh - Thạc sĩ)	FIBAA	2017	Đạt	15/9/2017	14/9/2022
		128.	Ngân hàng	AUN-QA	2019	Đạt	30/6/2019	29/6/2024
		129.	Tài chính doanh nghiệp	AUN-QA	2019	Đạt	30/6/2019	29/6/2024
		130.	Tài chính công	AUN-QA	2019	Đạt	30/6/2019	29/6/2024
		131.	Kinh tế đầu tư	AUN-QA	2019	Đạt	30/6/2019	29/6/2024
		132.	Bất động sản	FIBAA	2022	Đạt	30/11/2022	29/11/2027
		133.	Quản trị kinh doanh	FIBAA	2022	Đạt	30/11/2022	29/11/2027

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/ công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		134.	Kinh doanh thương mại	FIBAA	2022	Đạt	30/11/2022	29/11/2027
		135.	Marketing	FIBAA	2022	Đạt	30/11/2022	29/11/2027
		136.	Kế toán	FIBAA	2022	Đạt	30/11/2022	29/11/2027
14.	Trường Đại học Bách khoa - ĐH Đà Nẵng	137.	Kỹ thuật cơ khí - chuyên ngành Sản xuất tự động (Chương trình Chất lượng cao PFIEV)	CTI	2004	Đạt	02/3/2004	2009-2010
				CTI ENAEE	2010	Đạt	01/9/2010	31/8/2016
					2016	Đạt	01/9/2016	31/8/2022
		138.	Kỹ thuật điện - chuyên ngành Tin học công nghiệp (Chương trình Chất lượng cao PFIEV)	CTI ENAEE	2010	Đạt	01/9/2010	31/8/2016
					2016	Đạt	01/9/2016	31/8/2022
		139.	Chương trình Chất lượng cao PFIEV Công nghệ thông tin - chuyên Kỹ thuật phần mềm	CTI ENAEE	2014	Đạt	2014	19/02/2016
					2016	Đạt	01/9/2016	31/8/2022
		140.	Chương trình tiên tiến Điện tử - Viễn thông (ECE - Chương trình tiên tiến)	AUN-QA	2016	Đạt	14/11/2016	13/11/2021
		141.	Hệ thống nhúng (ES - Chương trình tiên tiến)	AUN-QA	2016	Đạt	14/11/2016	13/11/2021
		142.	Công nghệ Thông tin	AUN-QA	2018	Đạt	05/5/2018	04/5/2023
		143.	Kỹ thuật Điện - Điện tử	AUN-QA	2018	Đạt	05/5/2018	04/5/2023
		144.	Kỹ thuật Dầu khí	AUN-QA	2018	Đạt	05/5/2018	04/5/2023
		145.	Điện tử - Viễn thông	AUN-QA	2018	Đạt	05/5/2018	04/5/2023
		146.	Kiến trúc	AUN-QA	2018	Đạt	11/11/2018	10/11/2023
		147.	Kinh tế xây dựng	AUN-QA	2018	Đạt	11/11/2018	10/11/2023
		148.	Kỹ thuật xây dựng Công trình giao thông	AUN-QA	2018	Đạt	11/11/2018	10/11/2023
		149.	Kỹ thuật cơ khí - Chuyên Cơ khí	AUN-QA	2020	Đạt	30/11/2020	29/11/2025

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/ công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
			Động lực					
		150.	Kỹ thuật Cơ điện tử	AUN-QA	2020	Đạt	30/11/2020	29/11/2025
		151.	Kỹ thuật Công trình Xây dựng	AUN-QA	2020	Đạt	30/11/2020	29/11/2025
		152.	Công nghệ thực phẩm	AUN-QA	2020	Đạt	30/11/2020	29/11/2025
		153.	Điện tử - Viễn thông (ECE) - (Chương trình tiên tiến)	AUN-QA	2022	Đạt	13/6/2022	12/6/2027
		154.	Hệ thống Nhúng và IoT (ES và IoT) (Chương trình tiên tiến)	AUN-QA	2022	Đạt	13/6/2022	12/6/2027
		155.	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	AUN-QA	2022	Đạt	13/6/2022	12/6/2027
		156.	Quản lý công nghiệp	AUN-QA	2022	Đạt	13/6/2022	12/6/2027
15.	Trường Đại học Bách khoa Hà Nội	157.	Tin học công nghiệp	CTI ENAE	2010	Đạt	01/9/2010	31/8/2016
					3/2016	Đạt	26/01/2017	31/8/2023
		158.	Hệ thống thông tin và truyền thông	CTI ENAE	2010	Đạt	01/9/2010	31/8/2016
					3/2016	Đạt	26/01/2017	31/8/2023
		159.	Cơ khí hàng không	CTI ENAE	2010	Đạt	01/9/2010	31/8/2016
					3/2016	Đạt	26/01/2017	31/8/2023
		160.	Truyền thông và mạng máy tính	AUN-QA	2013	Đạt	06/5/2013	05/5/2018
		161.	Cơ điện tử (Chương trình tiên tiến)	AUN-QA	7/2017	Đạt	06/8/2017	05/8/2022
		162.	Kỹ thuật y sinh (Chương trình tiên tiến)	AUN-QA	7/2017	Đạt	06/8/2017	05/8/2022
		163.	Khoa học và kỹ thuật vật liệu (Chương trình tiên tiến)	AUN-QA	7/2017	Đạt	06/8/2017	05/8/2022
		164.	Kỹ thuật cơ điện tử	AUN-QA	10/2017	Đạt	12/11/2017	11/11/2022
		165.	Kỹ thuật điện tử truyền thông	AUN-QA	10/2017	Đạt	12/11/2017	11/11/2022

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/ công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		166.	Kỹ thuật Hóa học	AUN-QA	10/2017	Đạt	12/11/2017	11/11/2022
		167.	Khoa học và kỹ thuật vật liệu	AUN-QA	10/2017	Đạt	12/11/2017	11/11/2022
		168.	Kỹ thuật Điện	AUN-QA	6/2019	Đạt	27/3/2020	26/3/2025
		169.	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	AUN-QA	6/2019	Đạt	27/3/2020	26/3/2025
		170.	Kỹ thuật Cơ khí động lực	AUN-QA	6/2019	Đạt	27/3/2020	26/3/2025
		171.	Kỹ thuật Sinh học	AUN-QA	6/2019	Đạt	27/3/2020	26/3/2025
		172.	Kỹ thuật Hàng không	AUN-QA	9/2021	Đạt	24/10/2021	23/10/2026
		173.	Kỹ thuật Cơ khí	AUN-QA	9/2021	Đạt	24/10/2021	23/10/2026
		174.	Hóa học	AUN-QA	9/2021	Đạt	24/10/2021	23/10/2026
		175.	Kỹ thuật thực phẩm	AUN-QA	9/2021	Đạt	24/10/2021	23/10/2026
		176.	Kỹ thuật In	AUN-QA	12/2021	Đạt	24/1/2022	23/1/2027
		177.	Kỹ thuật Môi trường	AUN-QA	12/2021	Đạt	24/1/2022	23/1/2027
		178.	Vật lý kỹ thuật	AUN-QA	12/2021	Đạt	24/1/2022	23/1/2027
		179.	Kỹ thuật Dệt	AUN-QA	12/2021	Đạt	24/1/2022	23/1/2027
		180.	CNTT Việt Nhật	AUN-QA	5/2022	Đạt	27/6/2022	26/6/2027
		181.	Kỹ thuật Nhiệt	AUN-QA	5/2022	Đạt	27/6/2022	26/6/2027
		182.	Tiếng anh chuyên nghiệp quốc tế	AUN-QA	5/2022	Đạt	27/6/2022	26/6/2027
		183.	Toán - Tin	AUN-QA	5/2022	Đạt	27/6/2022	26/6/2027
16.	Trường Đại học Xây dựng Hà Nội	184.	Cơ sở hạ tầng giao thông (Chương trình đào tạo kỹ sư chất lượng cao Việt - Pháp)	CTI	2004	Đạt	02/3/2004	2009-2010
				CTI ENAEE	2010	Đạt	01/9/2010	31/8/2016
					2016	Đạt	01/9/2016	31/8/2022

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/ công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		185.	Kỹ thuật đô thị (Chương trình đào tạo kỹ sư chất lượng cao Việt - Pháp)	CTI	2004	Đạt	02/3/2004	01/3/2010
				CTI ENAEE	2010	Đạt	01/9/2010	31/8/2016
					2016	Đạt	01/9/2016	31/8/2022
		186.	Xây dựng công trình thủy (Chương trình đào tạo kỹ sư chất lượng cao Việt - Pháp)	CTI	2004	Đạt	02/3/2004	2009-2010
				CTI ENAEE	2010	Đạt	01/9/2010	31/8/2016
					2016	Đạt	01/9/2016	31/8/2022
	Trường Đại học Cần Thơ	187.	Kinh tế nông nghiệp	AUN-QA	2013	Đạt	15/7/2013	14/7/2018
		188.	Nuôi trồng thủy sản (Chương trình tiên tiến)	AUN-QA	2014 2022 (V2)	Đạt	15/11/2014 11/12/2022	14/11/2019 10/12/2027
		189.	Công nghệ sinh học (Chương trình tiên tiến)	AUN-QA	2014	Đạt	15/11/2014	14/11/2019
		190.	Kinh doanh Quốc tế	AUN-QA	2018	Đạt	27/8/2018	26/8/2023
		191.	Công nghệ Thông tin	AUN-QA	2018	Đạt	27/8/2018	26/8/2023
		192.	Kỹ thuật Phần mềm	AUN-QA	2021	Đạt	25/4/2021	24/4/2026
		193.	Mạng Máy tính và Truyền thông dữ liệu	AUN-QA	2021	Đạt	25/4/2021	24/4/2026
		194.	Kỹ thuật Cơ Điện tử	AUN-QA	2021	Đạt	25/4/2021	24/4/2026
		195.	Sư phạm Toán	AUN-QA	2021	Đạt	25/4/2021	24/4/2026
		196.	Quản lý Đất đai	AUN-QA	2021	Đạt	17/01/2022	16/01/2027
		197.	Hóa học	AUN-QA	2021	Đạt	17/01/2022	16/01/2027
		198.	Khoa học Cây trồng	AUN-QA	2021	Đạt	17/01/2022	16/01/2027
		199.	Công nghệ Thực phẩm	AUN-QA	2021	Đạt	17/01/2022	16/01/2027

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/ công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
17.		200.	Bảo vệ Thực vật	AUN-QA	2022	Đạt	11/12/2022	10/12/2027
		201.	Toán ứng dụng	AUN-QA	2022	Đạt	11/12/2022	10/12/2027
		202.	Thạc sĩ toán giải tích	AUN-QA	2022	Đạt	11/12/2022	10/12/2027
18.	Trường Đại học FPT	203.	Quản trị kinh doanh	ACBSP	2019	Đạt	21/11/2019	20/11/2029
19.	Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh	204.	Công nghệ kỹ thuật Điện - Điện tử	AUN-QA	3/2016	Đạt	17/4/2016	16/4/2020
		205.	Công nghệ kỹ thuật Cơ - Điện tử	AUN-QA	3/2016	Đạt	17/4/2016	16/4/2020
		206.	Công nghệ kỹ thuật Ô tô	AUN-QA	3/2016	Đạt	17/4/2016	16/4/2020
		207.	Công nghệ kỹ thuật Công trình xây dựng	AUN-QA	12/2016	Đạt	04/4/2017	03/4/2022
		208.	Công nghệ kỹ thuật Điện tử - truyền thông	AUN-QA	11/2017	Đạt	09/12/2017	08/12/2022
		209.	Công nghệ Chế tạo máy	AUN-QA	11/2017	Đạt	09/12/2017	08/12/2022
		210.	Công nghệ kỹ thuật Nhiệt	AUN-QA	11/2017	Đạt	09/12/2017	08/12/2022
		211.	Công nghệ kỹ thuật Môi trường	AUN-QA	11/2017	Đạt	09/12/2017	08/12/2022
		212.	Công nghệ kỹ thuật Cơ khí	AUN-QA	12/2018	Đạt	12/01/2019	11/01/2024
		213.	Công nghệ kỹ thuật Điều khiển và tự động hóa	AUN-QA	12/2018	Đạt	12/01/2019	11/01/2024
		214.	Quản lý công nghiệp	AUN-QA	12/2018	Đạt	12/01/2019	11/01/2024
		215.	Công nghệ May	AUN-QA	11/2019	Đạt	14/12/2019	13/12/2024
		216.	Công nghệ Thông tin	AUN-QA	11/2019	Đạt	14/12/2019	13/12/2024
		217.	Công nghệ kỹ thuật in	AUN-QA	11/2019	Đạt	14/12/2019	13/12/2024

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/ công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
20.	Trường Đại học Y tế Công cộng	218.	Y tế công cộng (Thạc sỹ)	AUN-QA	2016	Đạt	22/3/2016	21/3/2021
		219.	Quản lý bệnh viện (Thạc sỹ)	AUN-QA	2016	Đạt	24/01/2017	23/01/2022
		220.	Y tế công cộng	AUN-QA	2017	Đạt	23/02/2018	22/02/2023
21.	Trường Đại học Hoa Sen	221.	Marketing	ACBSP	2015	Đạt	19/11/2015	19/11/2025
		222.	Quản trị kinh doanh	ACBSP	2015	Đạt	19/11/2015	19/11/2025
		223.	Quản trị nhân lực	ACBSP	2015	Đạt	19/11/2015	19/11/2025
		224.	Kế toán	ACBSP	2015	Đạt	19/11/2015	19/11/2025
		225.	Tài chính - Ngân hàng	ACBSP	2015	Đạt	19/11/2015	19/11/2025
		226.	Quản trị khách sạn	AUN-QA	2019	Đạt	04/5/2019	03/5/2024
		227.	Ngôn ngữ Anh	AUN-QA	2019	Đạt	04/5/2019	03/5/2024
		228.	Quản trị Nhà hàng và dịch vụ ăn uống	AUN-QA	2021	Đạt	18/7/2021	17/7/2026
		229.	Công nghệ thông tin	AUN-QA	2021	Đạt	18/7/2021	17/7/2026
		230.	Thiết kế nội thất	AUN-QA	2021	Đạt	18/7/2021	17/7/2026
22.	Trường Đại học Thủy lợi	231.	Kỹ thuật xây dựng	AUN-QA	2017	Đạt	16/02/2018	15/02/2023
		232.	Kỹ thuật tài nguyên nước	AUN-QA	2017	Đạt	16/02/2018	15/02/2023
23.	Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội	233.	Khoa học và công nghệ	HCERES	2016	Đạt	20/3/2017	20/3/2022
24.	Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh	234.	Công nghệ Kỹ thuật Hóa học	AUN-QA	2018	Đạt	08/7/2018	07/7/2023
		235.	Công nghệ Kỹ thuật Điện, Điện tử	AUN-QA	2018	Đạt	08/7/2018	07/7/2023

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/ công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
	Minh (IUH)	236.	Công nghệ Kỹ thuật Điện tử, Truyền thông	AUN-QA	2018	Đạt	08/7/2018	07/7/2023
		237.	Công nghệ Kỹ thuật Môi trường	AUN-QA	2018	Đạt	08/7/2018	07/7/2023
		238.	Kế toán	AUN-QA	2019	Đạt	08/9/2019	07/9/2024
		239.	Công nghệ kỹ thuật Ô tô	AUN-QA	2019	Đạt	08/9/2019	07/9/2024
		240.	Ngôn ngữ Anh	AUN-QA	2019	Đạt	08/9/2019	07/9/2024
		241.	Quản trị kinh doanh	AUN-QA	2019	Đạt	08/9/2019	07/9/2024
		242.	Thương mại điện tử	AUN-QA	2021	Đạt	22/11/2021	21/11/2026
		243.	Công nghệ may	AUN-QA	2021	Đạt	22/11/2021	21/11/2026
		244.	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	AUN-QA	2021	Đạt	22/11/2021	21/11/2026
		245.	Công nghệ kỹ thuật máy tính	AUN-QA	2021	Đạt	22/11/2021	21/11/2026
		246.	Công nghệ kỹ thuật Cơ khí	ABET	2021	Đạt	30/9/2022	30/9/2028
		247.	Công nghệ Chế tạo máy	ABET	2021	Đạt	30/9/2022	30/9/2028
		248.	Công nghệ Thông tin	ABET	2021	Đạt	30/9/2022	30/9/2028
		249.	Hệ thống Thông tin	ABET	2021	Đạt	30/9/2022	30/9/2028
		250.	Công nghệ Thực phẩm	ABET	2021	Đạt	30/9/2022	30/9/2028
		251.	Công nghệ Sinh học	ABET	2021	Đạt	30/9/2022	30/9/2028
25.	Trường Đại học Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh	252.	Thú y	AUN-QA	2017	Đạt	07/01/2018	06/01/2023
		253.	Công nghệ Thực phẩm	AUN-QA	2017	Đạt	07/01/2018	06/01/2023
26.	Trường Đại học	254.	Kinh tế đối ngoại (Chương trình chất	AUN-QA	2019	Đạt	18/02/2019	17/02/2024

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/ công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
	Ngoại thương		lượng cao)					
		255.	Quản trị kinh doanh quốc tế (Chương trình chất lượng cao)	AUN-QA	2019	Đạt	18/02/2019	17/02/2024
		256.	Ngân hàng và tài chính quốc tế (Chương trình chất lượng cao)	AUN-QA	2019	Đạt	18/02/2019	17/02/2024
		257.	Kinh tế quốc tế (Chương trình chất lượng cao)	AUN-QA	2019	Đạt	18/02/2019	17/02/2024
		258.	Kinh tế đối ngoại (Chương trình tiên tiến)	AUN-QA	2021	Đạt	16/8/2021	15/8/2026
		259.	Quản trị kinh doanh (Chương trình tiên tiến)	AUN-QA	2021	Đạt	16/8/2021	15/8/2026
		260.	Tài chính - ngân hàng định hướng nghiên cứu (Thạc sĩ)	AUN-QA	2021	Đạt	16/8/2021	15/8/2026
27.	Trường Đại học Duy Tân	261.	Kỹ thuật Mạng	ABET	2018	Đạt	8/2019	30/9/2025
		262.	Hệ thống Thông tin Quản lý	ABET	2018	Đạt	8/2019	30/9/2025
		263.	Công nghệ Kỹ thuật Điện - Điện tử	ABET	2019	Đạt	8/2020	30/9/2026
28	Trường Đại học Kinh tế - ĐH Đà Nẵng	264.	Quản trị kinh doanh	AUN-QA	2019	Đạt	20/3/2019	19/3/2024
		265.	Kế toán	AUN-QA	2019	Đạt	20/3/2019	19/3/2024
		266.	Kiểm toán	AUN-QA	2019	Đạt	10/11/2019	09/11/2024
		267.	Kinh doanh quốc tế	AUN-QA	2019	Đạt	10/11/2019	09/11/2024
		268.	Marketing	AUN-QA	2019	Đạt	10/11/2019	09/11/2024
29	Trường Đại học Ngoại ngữ - ĐH Đà Nẵng	269.	Quốc tế học	AUN-QA	2019	Đạt	20/3/2019	19/3/2024
		270.	Ngôn ngữ Anh	AUN-QA	2019	Đạt	10/11/2019	09/11/2024

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/ công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		271.	Đông phương học	AUN-QA	2022	Đạt	04/12/2022	03/12/2027
30	Trường Đại học Sư phạm - ĐH Đà Nẵng	272.	Sư phạm Vật lý	AUN-QA	2018	Đạt	20/12/2019	19/12/2024
		273.	Sư phạm Toán	AUN-QA	2022	Đạt	04/12/2022	03/12/2027
		274.	Sư phạm Ngữ văn	AUN-QA	2022	Đạt	04/12/2022	03/12/2027
		275.	Sư phạm Hóa học	AUN-QA	2022	Đạt	04/12/2022	03/12/2027
31	Trường ĐH Tôn Đức Thắng	276.	Kỹ thuật điện tử - Viễn thông	AUN-QA	2019	Đạt	20/7/2019	19/7/2024
		277.	Khoa học môi trường	AUN-QA	2019	Đạt	20/7/2019	19/7/2024
		278.	Kỹ thuật phần mềm	AUN-QA	2019	Đạt	20/7/2019	19/7/2024
		279.	Tài chính - ngân hàng	AUN-QA	2019	Đạt	20/7/2019	19/7/2024
		280.	Công nghệ sinh học	AUN-QA	2021	Đạt	29/01/2021	28/01/2026
		281.	Kế toán	AUN-QA	2021	Đạt	29/01/2021	28/01/2026
		282.	Tiếng Anh	AUN-QA	2021	Đạt	29/01/2021	28/01/2026
		283.	Toán Ứng dụng	AUN-QA	2021	Đạt	29/01/2021	28/01/2026
		284.	Quan hệ lao động	FIBAA	2021	Đạt	25/11/2021	24/11/2026
		285.	Quy hoạch vùng và đô thị	FIBAA	2021	Đạt	25/11/2021	24/11/2026
		286.	Xã hội học	FIBAA	2021	Đạt	25/11/2021	24/11/2026
		287.	Việt Nam học- chuyên Du lịch và Quản lý du lịch	FIBAA	2021	Đạt	25/11/2021	24/11/2026
		288.	Kiến trúc	AUN-QA	2021	Đạt	01/11/2021	31/10/2026
		289.	Thiết kế đồ họa	AUN-QA	2021	Đạt	01/11/2021	31/10/2026
		290.	Bảo hộ lao động	AUN-QA	2021	Đạt	01/11/2021	31/10/2026
32	Trường Đại học Trà Vinh	291.	Quản trị kinh doanh	FIBAA	2019	Đạt	22/11/2019	21/11/2024
		292.	Kinh tế	FIBAA	2019	Đạt	22/11/2019	21/11/2024

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/ công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		293.	Tài chính - ngân hàng	FIBAA	2019	Đạt	22/11/2019	21/11/2024
		294.	Kế toán	FIBAA	2019	Đạt	22/11/2019	21/11/2024
		295.	Thủy sản	AUN-QA	2019	Đạt	30/11/2019	29/11/2024
		296.	Thú y	AUN-QA	2019	Đạt	30/11/2019	29/11/2024
		297.	Quản trị kinh doanh (Thạc sĩ)	FIBAA	2021	Đạt	23/3/2022	22/3/2027
		298.	Quản lý kinh tế (Thạc sĩ)	FIBAA	2021	Đạt	23/3/2022	22/3/2027
		299.	Luật	FIBAA	2021	Đạt	23/3/2022	22/3/2027
		300.	Nông nghiệp	AUN-QA	2021	Đạt	30/8/2021	29/8/2026
		301.	Ngôn ngữ Khmer	AUN-QA	2021	Đạt	30/8/2021	29/8/2026
		302.	Điều dưỡng	AUN-QA	2021	Đạt	30/8/2021	29/8/2026
33	Trường Đại học Quốc tế Sài Gòn	303.	Quản trị kinh doanh	IACBE	2019	Đạt	30/3/2020	30/4/2027
34	Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh	304.	Tài chính	AUN-QA	2019	Đạt	25/5/2019	24/5/2024
		305.	Ngân hàng	AUN-QA	2019	Đạt	25/5/2019	24/5/2024
34.	Trường Đại học Nguyễn Tất Thành	306.	Quản trị kinh doanh	AUN-QA	2019	Đạt	13/10/2019	12/10/2024
		307.	Tài chính - ngân hàng	AUN-QA	2019	Đạt	13/10/2019	12/10/2024
		308.	Công nghệ thông tin	AUN-QA	2019	Đạt	13/10/2019	12/10/2024
		309.	Ngôn ngữ Anh	AUN-QA	2019	Đạt	13/10/2019	12/10/2024
		310.	Kế toán	AUN-QA	2022	Đạt	21/02/2022	20/02/2027
		311.	Công nghệ thực phẩm	AUN-QA	2022	Đạt	21/02/2022	20/02/2027
		312.	Công nghệ sinh học	AUN-QA	2022	Đạt	21/02/2022	20/02/2027

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/ công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		313.	Công nghệ kỹ thuật ô tô	AUN-QA	2022	Đạt	21/02/2022	20/02/2027
35	Trường Đại học Thủ Dầu Một	314.	Kỹ thuật điện	AUN-QA	2019	Đạt	19/01/2020	18/01/2025
		315.	Kỹ thuật phần mềm	AUN-QA	2019	Đạt	19/01/2020	18/01/2025
		316.	Quản trị kinh doanh	AUN-QA	2019	Đạt	19/01/2020	18/01/2025
		317.	Hóa học	AUN-QA	2019	Đạt	19/01/2020	18/01/2025
		318.	Khoa học Môi trường	AUN-QA	2022	Đạt	24/7/2022	23/7/2027
		319.	Tài chính – Ngân hàng	AUN-QA	2022	Đạt	24/7/2022	23/7/2027
		320.	Hệ thống thông tin	AUN-QA	2022	Đạt	24/7/2022	23/7/2027
		321.	Kế toán	AUN-QA	2022	Đạt	24/7/2022	23/7/2027
36	Trường Đại học Việt Đức	322.	Kỹ thuật Điện và Máy tính	ASIIN	2019	Đạt	13/01/2020	30/9/2025
		323.	Tính toán kỹ thuật và Mô phỏng trên máy tính	ASIIN	2019	Đạt	13/01/2020	30/9/2025
		324.	Cơ điện tử và Công nghệ cảm biến	ASIIN	2019	Đạt	13/01/2020	30/9/2025
37	Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh	325.	Y khoa	AUN-QA	2021	Đạt	28/7/2021	27/7/2026
		326.	Dược học	AUN-QA	2021	Đạt	28/7/2021	27/7/2026
38	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	327.	Khoa học cây trồng tiên tiến	AUN-QA	2018	Đạt	23/4/2018	22/4/2023
		328.	Quản trị kinh doanh nông nghiệp tiên tiến	AUN-QA	2018	Đạt	23/4/2018	22/4/2023

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/ công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
39	Trường Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh	329.	Kinh tế (Thạc sĩ)	FIBAA	2021	Đạt	28/5/2021	27/5/2026
		330.	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh (Thạc sĩ)	FIBAA	2021	Đạt	28/5/2021	27/5/2026
		331.	Quản trị kinh doanh (Thạc sĩ)	FIBAA	2021	Đạt	28/5/2021	27/5/2026
		332.	Tài chính - Ngân hàng (Thạc sĩ)	FIBAA	2021	Đạt	28/5/2021	27/5/2026
		333.	Kế toán (Thạc sĩ)	FIBAA	2021	Đạt	23/03/2022	22/03/2027
		334.	Kiểm toán	FIBAA	2021	Đạt	23/03/2022	22/03/2027
		335.	Kinh tế	FIBAA	2021	Đạt	23/03/2022	22/03/2027
		336.	Quản trị kinh doanh	FIBAA	2021	Đạt	23/03/2022	22/03/2027
		337.	Kế toán	AUN-QA	2021	Đạt	17/01/2022	16/01/2027
		338.	Khoa học máy tính	AUN-QA	2021	Đạt	17/01/2022	16/01/2027
		339.	Ngôn ngữ Anh	AUN-QA	2021	Đạt	17/01/2022	16/01/2027
		340.	Tài chính - Ngân hàng	AUN-QA	2021	Đạt	17/01/2022	16/01/2027
40	Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	341.	Tài chính doanh nghiệp	AUN-QA	2021	Đạt	27/9/2021	26/9/2026
		342.	Ngân hàng	AUN-QA	2021	Đạt	27/9/2021	26/9/2026
		343.	Quản trị khách sạn	AUN-QA	2021	Đạt	27/9/2021	26/9/2026
41	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng	344.	Sư phạm tiếng Anh	AUN-QA	2021	Đạt	27/9/2021	26/9/2026

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/ công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
42	Trường Đại học Văn Lang	345.	Công nghệ kỹ thuật môi trường	AUN-QA	2022	Đạt	14/02/2022	13/02/2027
		346.	Thiết kế đồ họa	AUN-QA	2022	Đạt	14/02/2022	13/02/2027
		347.	Quản trị khách sạn	AUN-QA	2022	Đạt	14/02/2022	13/02/2027
		348.	Kế toán	AUN-QA	2022	Đạt	14/02/2022	13/02/2027
43	Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP. Hồ Chí Minh	349.	Công nghệ thực phẩm	AUN-QA	2019	Đạt	28/12/2019	27/12/2024
		350.	Công nghệ kỹ thuật hóa học	AUN-QA	2019	Đạt	28/12/2019	27/12/2024
44	Trường Đại học Vinh	351.	Công nghệ Thông tin	AUN-QA	2021	Đạt	23/5/2021	22/5/2026
		352.	Sư phạm Toán học	AUN-QA	2021	Đạt	23/5/2021	22/5/2026
45	Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh	353.	Sư phạm Hóa học	AUN-QA	2021	Đạt	21/6/2021	20/6/2026
		354.	Sư phạm Vật lý	AUN-QA	2021	Đạt	21/6/2021	20/6/2026
		355.	Giáo dục Tiểu học	AUN-QA	2021	Đạt	21/6/2021	20/6/2026
		356.	Tâm lý học	AUN-QA	2021	Đạt	21/6/2021	20/6/2026
		357.	Ngôn ngữ Anh	AUN-QA	2022	Đạt	22/5/2022	21/5/2027
		358.	Ngôn ngữ Trung Quốc	AUN-QA	2022	Đạt	22/5/2022	21/5/2027
		359.	Công nghệ thông tin	AUN-QA	2022	Đạt	22/5/2022	21/5/2027
		360.	Ngôn ngữ Pháp	AUN-QA	2022	Đạt	22/5/2022	21/5/2027

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/ công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
46	Trường Đại học Lạc Hồng	361.	Công nghệ thông tin	AUN-QA	2019	Đạt	01/6/2019	31/5/2024
		362.	Công nghệ Kỹ thuật Điện - Điện tử	AUN-QA	2019	Đạt	01/6/2019	31/5/2024
		363.	Quản trị kinh doanh	AUN-QA	2021	Đạt	25/6/2021	24/6/2026
		364.	Ngôn ngữ Anh	AUN-QA	2021	Đạt	25/6/2021	24/6/2026
		365.	Kế toán kiểm toán	AUN-QA	2021	Đạt	25/6/2021	24/6/2026
		366.	Dược	AUN-QA	2021	Đạt	25/6/2021	24/6/2026
47	Trường Đại học Y dược - Đại học Thái Nguyên	367.	Bác sỹ Y khoa	AUN-QA	2021	Đạt	05/4/2021	04/4/2026
		368.	Điều dưỡng	AUN-QA	2021	Đạt	05/4/2021	04/4/2026
48	Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên	369.	Sư phạm Toán	AUN-QA	2021	Đạt	05/4/2021	04/4/2026
		370.	Sư phạm Hóa	AUN-QA	2021	Đạt	05/4/2021	04/4/2026
49	Trường Đại học Nông lâm - Đại học Thái Nguyên	371.	Kỹ sư Chăn nuôi Thú y	AUN-QA	2021	Đạt	17/10/2021	16/10/2026
		372.	Bác sĩ Thú y	AUN-QA	2021	Đạt	17/10/2021	16/10/2026
		373.	Kỹ sư Công nghệ Thực phẩm	AUN-QA	2021	Đạt	17/10/2021	16/10/2026
		374.	Kỹ sư Quản lý Tài nguyên rừng	AUN-QA	2022	Đạt	08/5/2022	07/5/2027
		375.	Kỹ sư Quản lý Đất đai	AUN-QA	2022	Đạt	08/5/2022	07/5/2027
		376.	Kỹ sư Quản lý Cây trồng	AUN-QA	2022	Đạt	08/5/2022	07/5/2027
50		377.	Ngôn ngữ Anh	AUN-QA	2021	Đạt	08/11/2021	07/11/2026

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/ công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
	Trường Đại học Công nghệ TP. Hồ Chí Minh	378.	Kỹ thuật môi trường	AUN-QA	2021	Đạt	08/11/2021	07/11/2026
		379.	Công nghệ thực phẩm	AUN-QA	2021	Đạt	08/11/2021	07/11/2026
		380.	Kỹ thuật cơ điện tử	AUN-QA	2021	Đạt	08/11/2021	07/11/2026
51	Khoa Quốc tế- ĐH Thái Nguyên	381.	Kinh doanh	AUN-QA	2022	Đạt	08/5/2022	07/5/2027
52	Trường Đại học An Giang – ĐH Quốc gia TP. Hồ Chí Minh	382.	Công nghệ thực phẩm	AUN-QA	2021	Đạt	10/01/2022	09/01/2027
		383.	Công nghệ thông tin	AUN-QA	2021	Đạt	10/01/2022	09/01/2027
		384.	Sư phạm Ngữ văn	AUN-QA	2021	Đạt	10/01/2022	09/01/2027
		385.	Sư phạm tiếng Anh	AUN-QA	2021	Đạt	10/01/2022	09/01/2027
53	Trường Đại học Giao thông Vận tải TP. Hồ Chí Minh	386.	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	AUN-QA	2022	Đạt	25/4/2022	24/4/2027
54	Trường Đại học Giao thông Vận tải	387.	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	AUN-QA	2022	Đạt	20/6/2022	19/6/2027
		388.	Kỹ thuật oto	AUN-QA	2022	Đạt	20/6/2022	19/6/2027
		389.	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	AUN-QA	2022	Đạt	20/6/2022	19/6/2027
55	Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông - Đại học Thái Nguyên	390.	Kỹ thuật phần mềm	AUN-QA	2022	Đạt	09/10/2022	08/10/2027
		391.	Tự động hoá	AUN-QA	2022	Đạt	09/10/2022	08/10/2027
56	Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh - Đại học	392.	Quản trị kinh doanh	AUN-QA	2022	Đạt	09/10/2022	08/10/2027

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/ công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
	Thái Nguyên							
57	Trường Đại học Ngoại ngữ- Đại học Thái Nguyên	393.	Sư phạm Tiếng Anh	AUN-QA	2022	Đạt	09/10/2022	08/10/2027

(Danh sách có 1201 chương trình, bao gồm: 809 chương trình đánh giá theo tiêu chuẩn trong nước; 393 chương trình đánh giá theo tiêu chuẩn nước ngoài).

Ghi chú:

Stt	Chữ viết tắt	Tên tổ chức
1.	VNU-CEA	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội
2.	VNU-HCM CEA	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh
3.	CEA-UD	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Đà Nẵng
4.	CEA-AVU&C	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Hiệp hội Các trường đại học, cao đẳng Việt Nam
5.	VU-CEA	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh
6.	CEA-THANGLONG	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long
7.	CEA-SAIGON	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Sài Gòn
8.	AUN-QA	ASEAN University Network - Quality Assurance (Mạng lưới Đảm bảo chất lượng các trường đại học ASEAN)
9.	CTI	Commission des Titres d'Ingénieur (Ủy ban Văn bằng Pháp)
10.	ABET	Accreditation Board for Engineering and Technology (Hội đồng Kiểm định Kỹ thuật và Công nghệ, Hoa Kỳ)
11.	ACBSP	Accreditation Council for Business Schools and Programs (Hội đồng Kiểm định các trường và chương trình đào tạo về kinh doanh, Hoa Kỳ)
12.	FIBAA	Foundation for International Business Administration Accreditation (Quỹ Kiểm định các chương trình Quản trị kinh doanh quốc tế)

13.	AMBA	Association of MBAs (Hiệp hội MBA)
14.	IACBE	International Accreditation Council for Business Education (Hội đồng kiểm định quốc tế các trường đại học đào tạo Kinh doanh)
15.	ENAAE	European Network for Accreditation of Engineering Education (Mạng lưới kiểm định đào tạo kỹ thuật của châu Âu)
16.	HCERES	Hội đồng cấp cao về đánh giá nghiên cứu và giáo dục đại học Pháp
17.	ASIIN	Tổ chức kiểm định các chương trình đào tạo khối kỹ thuật, công nghệ thông tin, khoa học tự nhiên và toán học.